

Phụ lục II
DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật đề xuất sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng hiệu lực, bãi bỏ một phần

Cơ quan rà soát: Bộ Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Công văn số: /BKHCN-PC ngày tháng 6 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

11 Luật
22 Nghị định
09 Quyết định QĐTTg
55 Thông tư
01 QĐ-BKHCN

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO							
1.	Điều 66 Luật Khoa học và Công nghệ	Tình hình thực tiễn	<p>Cơ chế hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp nhà nước. Hiện chưa có quy định cụ thể về việc DNNN tự hình thành hoặc liên kết hình thành quỹ này. Khó khăn thực tế: Việc thiếu cơ sở pháp lý khiến DNNN không thể triển khai các hoạt động đầu tư mạo hiểm cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, dù Nghị quyết 79/NQ-TW đã có chủ trương.</p> <p>Giới hạn trích 5% thu nhập tính thuế cho Quỹ KH&CN để đầu tư startup là quá thấp, không đủ nguồn lực cho các tập đoàn lớn.</p> <p>Cần cho phép DNNN thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tách riêng với Quỹ phát triển KH&CN để đầu tư vào các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước.</p> <p>Nâng mức giới hạn trích quỹ theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu và cho phép tích lũy qua nhiều năm để đầu tư mạnh cho khởi</p>	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>nghiệp.</p> <p>Cơ chế bảo vệ và khuyến khích đổi mới sáng tạo (Miễn trừ trách nhiệm). Hiện mới chỉ có miễn trừ cho khâu nghiên cứu, chưa có cho khâu sản xuất, kinh doanh. Khó khăn thực tế:</p> <p>Lĩnh vực công nghệ cao có xác suất thất bại lớn (như chip bán dẫn). Nếu không có điều khoản miễn trừ cụ thể cho khâu kinh doanh, cán bộ quản lý sẽ chọn giải pháp an toàn là đi mua thay vì tự nghiên cứu do lo sợ rủi ro pháp lý.</p> <p>Quy định cụ thể cơ chế loại trừ trách nhiệm dân sự, hành chính, kỷ luật và hình sự cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ R&D, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ chiến lược nếu đã tuân thủ đúng quy trình.</p>			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
	Điều 9 Luật KHCN và ĐMST	Tình hình thực tiễn	<p>Số tiền nhà nước cho phép chi trả để thuê người theo dõi và quản lý các dự án nghiên cứu hiện nay là quá ít. Mức chi này hoàn toàn không bỏ công sức bỏ ra để kiểm soát chặt chẽ các dự án nghiên cứu công nghệ lớn của ngành điện.</p> <p>Hầu hết các chính sách hỗ trợ tiền bạc và ưu đãi về thuế cho nghiên cứu hiện nay chỉ đang tập trung vào các đơn vị tư nhân hoặc dùng tiền ngân sách. Doanh nghiệp nhà nước hầu như chưa nhận được sự hỗ trợ tương xứng khi họ muốn đổi mới công nghệ.</p> <p>Xem xét nâng mức tiền trả cho công tác quản lý để khuyến khích cán bộ có trình độ theo dõi sát sao và đảm bảo chất lượng cho các dự án nghiên cứu. Cần bổ sung các chính sách giảm thuế và hỗ trợ nguồn vốn riêng biệt cho doanh nghiệp nhà nước khi họ thực hiện đổi mới máy móc và dây chuyền công nghệ.</p>			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
	Luật KHCN và ĐMST	Tình hình thực tiễn	<p>Doanh nghiệp nhà nước chưa được trao quyền tự chủ hoàn toàn trong việc sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ,</p>			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	ĐMST		<p>đặc biệt là việc đặt hàng nghiên cứu từ các đơn vị bên ngoài. Cơ chế khoán sản phẩm trong nghiên cứu vẫn còn cứng nhắc, chưa tạo được hành lang thông thoáng cho các dự án công nghệ đột phá. Hiện vẫn thiếu các quy định pháp lý cho phép doanh nghiệp nhà nước tự hình thành hoặc liên kết với các quỹ đầu tư mạo hiểm để tìm kiếm công nghệ mới.</p> <p>Cần cho phép doanh nghiệp tự quyết định việc sử dụng quỹ nghiên cứu để đặt hàng bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng. Xây dựng cơ chế cho phép tập đoàn được liên kết với nhà nước và các doanh nghiệp khác để hình thành các Quỹ đầu tư mạo hiểm.</p>				
	Điểm c khoản 1 Điều 16 và điểm b khoản 1 Điều 62 Luật KH,CN, ĐMST	Tình hình thực tiễn	<p>Quy định hiện tại mới ghi nhận nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở từ nguồn kinh phí được giao trực tiếp cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo điểm b khoản 1 Điều 62 và các nguồn kinh phí tự chủ khác, chưa bao quát nguồn kinh phí được cấp thông qua các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật. Trong khi đó, các nhiệm vụ hỗ trợ nâng cao năng lực được giao cho Quỹ dự kiến triển khai theo cơ chế cấp kinh phí nghiên cứu theo gói (block funding), tức cấp kinh phí trung hạn, dài hạn trên cơ sở đánh giá tổng thể năng lực và chương trình nghiên cứu. Vì vậy, cần bổ sung quy định về nguồn kinh phí được cấp thông qua các quỹ vào điểm b khoản 1 Điều 62 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc triển khai cơ chế tài trợ này.</p>			Tiêu chí 6	
	Điều 21 Luật KHCN&ĐMST	Tình hình thực tiễn	<p>Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đã có quy định khung nhưng thiếu hướng dẫn chi tiết cho từng ngành, lĩnh</p>			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			vực cụ thể. Sớm ban hành văn bản quy định chi tiết để triển khai Sandbox thực tế trong các ngành công nghiệp và công nghệ mới.				
	Điều 31 Luật KHCN&ĐMST	Tình hình thực tiễn	Quy định sử dụng Quỹ KHCN để M&A doanh nghiệp công nghệ còn quá cao và phức tạp về thủ tục, làm bỏ lỡ cơ hội. Đơn giản hóa điều kiện sử dụng Quỹ KHCN để mua/sáp nhập doanh nghiệp nhằm sở hữu bí quyết công nghệ chiến lược			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
	Luật KHCN và ĐMST	Tình hình thực tiễn	Khó khăn trong đấu thầu và định giá sản phẩm mới do thiếu cơ sở dữ liệu tham chiếu và quy trình xác định tỷ lệ vốn nhà nước phức tạp. Cần xây dựng quy định riêng cho đầu tư KH&CN; rút ngắn thủ tục giao quyền sở hữu tài sản trí tuệ xuống tối đa 6 tháng.			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
2.	Nghị định số 262/2025/ND-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KHCN,ĐMST về Thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề	Cải cách TTHC	- Các nội dung về phân cấp và cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cần thống nhất với quy định tại Phụ lục I.E.I.1 và Phụ lục II.Đ.1 và II Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ - Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 như sau: “a) Hồ sơ đề nghị thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài được lập thành 01 bộ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ nơi tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản đặt trụ sở chính, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. - Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 23 như sau: “c) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công	Sửa đổi, bổ sung	3/2027	Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	chung		<p>nghệ. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 24 như sau:</p> <p>“c) Trong thời hạn 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đã được thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại. Trường hợp từ chối cấp, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>				
		Tình hình thực tiễn	<p>Điểm c khoản 1 Điều 46 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP quy định nội dung kế hoạch tổng thể đánh giá có “đề xuất hệ thống chỉ tiêu, phương pháp đánh giá định lượng và định tính phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng giai đoạn”. Quy định này đã đặt ra yêu cầu về chỉ tiêu và phương pháp đánh giá, tuy nhiên mới dừng ở mức “đề xuất” trong kế hoạch hằng năm, chưa làm rõ nguồn dữ liệu, phương pháp thu thập, cách tính toán, biểu mẫu đánh giá và yêu cầu cập nhật kết quả đánh giá trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.</p> <p>Do chưa xác định rõ các yếu tố nêu trên, việc đánh giá giữa các bộ, ngành, địa phương và giữa các kỳ đánh giá có thể không thống nhất, khó so sánh, khó lượng hóa kết quả, hiệu quả, tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này làm giảm giá trị sử dụng của kết quả đánh giá trong điều chỉnh kế hoạch, phân bổ nguồn lực, bố trí ngân sách và hoàn thiện chính sách theo nguyên tắc quản lý dựa trên dữ liệu, hậu kiểm và đánh giá kết quả thực hiện.</p>	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	
			Tại khoản 2 Điều 47, đối tượng và nội dung đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã nêu 03			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			nội dung đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đã triển khai 02 nội dung tại Điều 48 và 49. Hiện còn thiếu 01 nội dung về đánh giá tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.				
3.	Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	Tình hình thực tiễn	<p>Nghị định quy định: “Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phê duyệt theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng cần chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả và mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên”.</p> <p>Tuy nhiên, trường hợp tổ chức chủ trì là doanh nghiệp thì không thể đáp ứng điều kiện nêu trên do doanh nghiệp ít tham gia thực hiện loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nêu trên. Vì vậy, quy định này dẫn đến các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do doanh nghiệp chủ trì thực hiện không được áp dụng phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng, gây cản trở việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Chưa có nội dung hỗ trợ xuất bản khoa học trong nội dung hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học, cần sửa đổi điểm h Khoản 3 Điều 6 như sau:</p> <p>“c) Chi hỗ trợ hoạt động xuất bản khoa học và công nghệ và phát triển tạp chí khoa học”.</p> <p>Bổ sung nội dung hỗ trợ hoạt động xuất bản khoa học nhằm góp phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình chất lượng cao; - Hình thành hạ tầng xuất bản số hiện đại; 	Nghị định sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>- Tăng khả năng tiếp cận và lan tỏa tri thức khoa học</p> <p>Thủ tục Xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo cần đơn giản hóa thành phần hồ sơ, rút gọn quy trình, thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ; quy định rõ thời hạn xử lý hồ sơ</p>			Tiêu chí 5	
			<p>Khoản 1 Điều 50 nhóm nghiên cứu mạnh được xem là hạt nhân tổ chức nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ theo thông lệ quốc tế, bảo đảm gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu, đào tạo sau đại học, hợp tác quốc tế và phát triển năng lực khoa học, công nghệ dài hạn của quốc gia. Hiện nay, chưa có quy định hỗ trợ cụ thể cho đối tượng giáo sư, nhóm nghiên cứu mạnh.</p>			Tiêu chí 6	
			<p>Điều kiện tại khoản 3 Điều 5 và Khoản 4 Điều 11 khác với điểm a khoản 5 Điều 63 của Luật, không có nhiều tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng quy định để được thực hiện khoán đến sản phẩm cuối cùng, đặc biệt là những doanh nghiệp mới hoặc ít tham gia vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời gian qua.</p>			Tiêu chí 5	
			<p>Điều 6 là “Tiêu chí đối với nhiệm vụ” nhưng khoản 3 lại quy định “tổ chức đề nghị tài trợ hoặc đặt hàng... phải đáp ứng các điều kiện...”. Nội dung này trùng hoặc giao thoa với Điều 5 về điều kiện đối với tổ chức. Cách đặt quy định như hiện nay có thể gây lẫn lộn giữa tiêu chí của nhiệm vụ và điều kiện của tổ chức chủ trì.</p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>- Quy định hiện hành: Đang quy định việc quản lý rủi ro đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Vướng mắc: Điều 9 Luật KHCN&ĐMST quy định chấp nhận rủi ro mang tính nguyên tắc cho cả DNNN, nhưng chưa có hướng dẫn cơ chế bảo vệ người ra quyết định trong DNNN (do vướng Luật Quản lý vốn NN). Việc NĐ267 gắn chữ "sử dụng NSNN" dẫn đến cách hiểu sai là các nhiệm vụ sử dụng kinh phí của DNNN không thuộc đối tượng được chấp nhận rủi ro.</p>			Tiêu chí 5	
			Khoản 1, khoản 2 Điều 10 quy định thời hạn tiếp nhận hồ sơ “phải bảo đảm đủ thời gian” nhưng không có mốc tối thiểu, tối đa. Điều này gây khó thống nhất trong triển khai, có nơi kéo dài quá lâu, có nơi quy định thời hạn quá ngắn khiến tổ chức không chuẩn bị được hồ sơ.			Tiêu chí 5	
			Điểm d khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 12 quy định hồ sơ, năng lực tổ chức, lý lịch cá nhân phải cập nhật trên Nền tảng số quản lý KH,CN&ĐMST quốc gia, trong khi thực tế hạ tầng dữ liệu có thể chưa đồng bộ, chưa đầy đủ hoặc chưa vận hành ổn định. Nếu coi đây là điều kiện cứng, hồ sơ có thể bị ách tắc vì lý do kỹ thuật, không phải do chất lượng nhiệm vụ.			Tiêu chí 5	
			Khoản 2 Điều 11 yêu cầu tài liệu chứng minh vốn đối ứng, văn bản cam kết cho vay vốn hoặc giấy tờ xác nhận đóng góp ngay từ giai đoạn nộp hồ sơ có thể khó khả thi, nhất là với doanh nghiệp, liên danh hoặc nhiệm vụ có thời gian chuẩn bị dài. Nhiều ngân hàng/tổ chức tài chính chỉ cấp cam kết chính thức sau khi nhiệm vụ được phê duyệt.			Tiêu chí 5	
			Khoản 6 Điều 16 quy định điều chỉnh hợp đồng tối đa 15 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ nhận được văn			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>bản đề xuất điều chỉnh, nhưng lại cho phép yêu cầu bổ sung tài liệu minh chứng. Chưa rõ thời hạn 15 ngày được tính từ khi nhận hồ sơ đầu tiên hay khi hồ sơ đầy đủ, để phát sinh tranh cãi hoặc kéo dài xử lý.</p> <p>Điểm b khoản 9 Điều 16 quy định tổ chức chủ trì phải cập nhật tình hình thực hiện nội dung, công việc, sử dụng nguyên vật liệu tối thiểu 01 lần/tháng. Quy định này có thể phù hợp với nhiệm vụ sản xuất thử nghiệm, chế tạo thiết bị, sử dụng nhiều vật tư; nhưng quá nặng với nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chính sách, mô hình, phần mềm hoặc nhiệm vụ ít phát sinh vật tư.</p> <p>Điều 17 quy định đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra nhưng chưa làm rõ các mức xếp loại kết quả, cách xử lý trường hợp không đạt do rủi ro được chấp nhận, quan hệ giữa đánh giá chuyên môn và quyết toán tài chính. Điều này có thể khiến nhiệm vụ có giá trị khoa học, dữ liệu nền hoặc thất bại hợp lý vẫn bị xử lý như không hoàn thành.</p> <p>Điều 18 quy định tiêu chí đánh giá tác động sau nhiệm vụ yêu cầu nhiều chỉ số định lượng lớn như đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, giảm phát thải, doanh thu, lợi nhuận, việc làm mới, chỉ số hài lòng... Không phải nhiệm vụ nào cũng có khả năng đo lường các chỉ số này, nhất là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chính sách, nhiệm vụ nền tảng hoặc nhiệm vụ công nghệ ở giai đoạn tiền thương mại.</p> <p>Điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 18 quy định tổ chức chủ trì hoặc đơn vị tiếp nhận phải cập nhật, báo cáo hiệu quả ứng dụng trong tối thiểu 05 năm. Tuy nhiên, chưa phân định rõ trách nhiệm trong trường hợp kết quả đã bàn giao cho cơ quan đặt hàng/đơn vị tiếp nhận; tổ chức chủ trì không còn quyền khai thác dữ liệu ứng dụng nhưng vẫn có nguy cơ bị</p>				
						Tiêu chí 5	
						Tiêu chí 5	
						Tiêu chí 5	
						Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			đánh giá là không có kết quả triển khai ứng dụng.				
			Khoản 5 Điều 26 quy định: “5. Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất và các cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt” - Vương mắc: đề thuận lợi trong việc trình Thủ tướng ban hành hoặc chủ động điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thì cần phân cấp cho cơ quan chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ. Phù hợp với thực tiễn triển khai			Tiêu chí 5	
			Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 quy định về rủi ro được chấp nhận là cần thiết và tiên bộ, nhưng còn thiếu quy trình pháp lý để công nhận rủi ro được chấp nhận, thiếu hội đồng/tiêu chí kết luận rủi ro, thiếu hậu quả pháp lý về miễn/giảm trách nhiệm, thanh lý hợp đồng, quyết toán, thu hồi kinh phí. Nếu không quy định rõ, cơ quan quản lý có thể vẫn e ngại khi chấp nhận thất bại hợp lý trong nghiên cứu.			Tiêu chí 5	
			Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 39 quy định phân loại nhiệm vụ theo mức độ rủi ro để xây dựng trần kinh phí và tiêu chí xét tài trợ, nhưng chưa có thang phân loại rủi ro cụ thể và chưa gắn với cơ chế quản lý tương ứng. Nếu không có khung chung, mỗi cơ quan có thể phân loại khác nhau, dẫn đến cùng một loại nhiệm vụ nhưng cách quản lý, trần kinh phí, yêu cầu báo cáo khác nhau.			Tiêu chí 5	
			- Quy định hiện hành: Quy định hỗ trợ đối tượng cá nhân (nghiên cứu viên sau TS, nghiên cứu sinh, nhà khoa học xuất sắc...) thông qua nhiệm vụ cơ sở.			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>- Vướng mắc: Việc hỗ trợ nhiệm vụ cơ sở tại Luật chỉ áp dụng đối với trường hợp dự toán thường xuyên. Theo quy định này, hiện nay chưa có đường chạy để Quỹ có thể hỗ trợ các hoạt động nêu trên.</p> <p>Nghiên cứu quy định cụ thể để thực hiện được nội dung nêu trên</p>				
			<p>Khoản 3 Điều 55 “Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”</p>			Tiêu chí 5	
			<p>Nội dung tại khoản 3 Điều 57 quy định “..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương...”. Trong khi đó, các Điều 10, 11, 12... tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”. Như vậy, chưa thống nhất về mặt thẩm quyền.</p>			Tiêu chí 5	
			<p>Khoản 4 Điều 11</p> <p>Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phê duyệt theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng cần chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả và mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên". Quy định yêu cầu tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng phải đã</p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia trong 05 năm gần nhất là điều kiện tương đối cao, có thể làm hạn chế sự tham gia của nhiều tổ chức có năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo nhưng chưa có nhiều cơ hội chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia. Quy định này chưa tạo điều kiện mở rộng sự tham gia của các tổ chức mới, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ địa phương, tổ chức ngoài công lập hoặc doanh nghiệp có tiềm năng triển khai nhiệm vụ.</p>				
			<p>Điểm e, Khoản 4, Điều 12 (1) Chưa đề cập Chuyên gia phản biện độc lập ngoài Hội đồng: Nhiệm vụ trong khuôn khổ HTQT có đặc thù sẽ triển khai riêng biệt theo từng thỏa thuận, địa bàn, lĩnh vực kêu gọi từng năm vì vậy không thể áp dụng hình thức Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng theo nhiệm kỳ, mà sẽ cần áp dụng hình thức Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng theo (nhiều) nhiệm vụ. Theo đó, thành phần Hội đồng xét tài trợ theo (nhiều) nhiệm vụ sẽ bao gồm Chuyên gia phản biện trong Hội đồng (trước đây còn được gọi là Ủy viên phản biện trong Hội đồng), tuy nhiên chưa đề cập đến các Chuyên gia phản biện độc lập ngoài Hội đồng. Các nguyên nhân cần có Chuyên gia phản biện độc lập ngoài Hội đồng: - Do yêu cầu tại các thỏa thuận hợp tác quốc tế, thỏa thuận triển khai tài trợ chung đã ký kết; và cũng là xu hướng quốc tế trong cách thức triển khai tại các tổ chức tài trợ trong khu vực và thế giới. Quá trình đánh giá xét chọn được yêu cầu triển khai thông qua các Chuyên gia phản biện độc lập (peer reviewer - do Quỹ và đối tác mời phản</p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>biện, mỗi hồ sơ trung bình 02 CGPB Việt Nam và 02 CGPB nước ngoài) và Hội đồng khoa học (vẫn có các thành viên là Ủy viên phản biện, nhưng không trùng với Chuyên gia phản biện độc lập)</p> <p>- Trường hợp đợt kêu gọi tài trợ gồm nhiều lĩnh vực, hoặc lĩnh vực đa ngành, liên ngành.... dẫn đến hình thành Hội đồng xét tài trợ hỗn hợp ngành, việc có Chuyên gia phản biện độc lập thường là chuyên gia có chuyên ngành hẹp phù hợp với từng hồ sơ sẽ cung cấp các nhận xét đa chiều và sát thực tới Hội đồng xét tài trợ</p> <p>- Trường hợp cùng 1 ngành/ lĩnh vực có nhiều hồ sơ đưa vào đánh giá (Từ khoảng 10 hồ sơ trở lên), để đảm bảo mỗi hồ sơ có ít nhất 02 CGPB trong Hội đồng có chuyên ngành phù hợp sẽ dẫn đến quy mô cơ cấu Hội đồng phình to; hoặc dẫn đến 1 thành viên Hội đồng có thể phải làm phản biện quá nhiều hồ sơ cùng 1 lúc; kể cả trong trường hợp chia nhỏ số lượng hồ sơ đánh giá tại Hội đồng cũng có nhược điểm là mất thời gian, mất nhiều chi phí công tác tổ chức.</p> <p>(2) Thực tế có xuất hiện loại hình Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng chung giữa Việt Nam và nước ngoài: căn cứ theo thỏa thuận hợp tác, triển khai tài trợ đã ký kết: Quỹ và đối tác được yêu cầu thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng chung (Hoặc Ủy ban tuyển chọn chung) có các thành viên là các chuyên gia Việt Nam và nước ngoài (có nhiệm vụ đánh giá xét chọn các hồ sơ; và/ hoặc tuyển chọn, đề xuất nhiệm vụ hai bên thống nhất tài trợ)</p>				
			<p>Điểm e, Khoản 4, Điều 12 về thời điểm thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất: đối với các nhiệm vụ HTQT, việc thông báo kết quả tài trợ sẽ phải do hai bên cùng thống nhất và công bố cùng 01 thời điểm (sau khi đã thực hiện</p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
			<p>theo trình tự, thủ tục phê duyệt của mỗi bên). Nếu quy định mốc thời gian thông báo kết quả này quá ngắn dễ khiến cho phía Việt Nam rơi vào thế đơn phương thông báo kết quả trước đối tác; hoặc quá dài khiến cho đối tác phải chờ đợi.</p> <p>Khoản 2, Điều 13 về thời gian phê duyệt nhiệm vụ: do đặc thù của nhiệm vụ HTQT, không chỉ việc ra quyết định phê duyệt tài trợ mà các các bước trong quy trình đánh giá xét tài trợ đều cần có sự thống nhất của phía Việt Nam và đối tác trước khi có thể triển khai bước tiếp theo.</p> <p>Vì vậy, nếu áp mức 110 ngày sẽ gây khó khăn khi triển khai do: phía Việt Nam có thể thúc đẩy trên tinh thần tôn trọng thủ tục và quy định riêng phía đối tác nhưng không thể ép buộc đối tác hoàn thành theo hạn của phía Việt Nam. Chưa kể đến các yêu tố ngày làm việc, kỳ nghỉ lễ, khung giờ khác biệt giữa các bên</p>				Tiêu chí 5	
4.	Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa	Tình hình thực tiễn	<p>Tại Điều 29 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo, trong đó khoản 3 Điều 29 quy định cần có tiêu chí “Có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa phương”.</p> <p>Tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định Tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp quốc gia thì chỉ yêu cầu đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29, nghĩa là không yêu cầu đáp ứng tiêu chí về “hạ tầng kỹ thuật” như nêu tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.</p> <p>Tại mục 4.4, 4.5 của Mẫu số IV.5.1.1 (Phiếu đánh giá</p>	Nghị định sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5		

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.		<p>thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo) lại nêu tiêu chí “Đáp ứng tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật do bộ, cơ quan ngang bộ/UBND cấp tỉnh ban hành (nếu có)”, nghĩa là việc đáp ứng tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật là không bắt buộc.</p> <p>Tại khoản 1 và 3 Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP lại quy định “Bộ, cơ quan ngang bộ/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trong phạm vi quản lý”, nghĩa là tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật là bắt buộc</p> <p>Như vậy, các yêu cầu về tiêu chí hạ tầng kỹ thuật tại Điều 29, 30, 31, 40 và Mẫu số V.5.1.1 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP đang mâu thuẫn</p> <p>Tại Mẫu số I.12 (Biên bản họp Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ ĐMST), Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP có quy định Hội đồng xét duyệt phải biểu quyết thông qua nội dung “Hồ sơ thanh toán” đang gây khó khăn cho Hội đồng thực hiện chức năng nhiệm vụ và quá trình quản lý của cơ quan quản lý nhiệm vụ. Do việc quy định hồ sơ thanh toán theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn luật, đồng thời theo từng tính chất, nội dung, thực tế quá trình triển khai.</p> <p>Do đó cần nghiên cứu, điều chỉnh theo hướng bỏ quy định Hội đồng xét duyệt biểu quyết thông qua đối với hồ sơ thanh toán trong các Mẫu số I.12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>Tại điểm d khoản 1 Điều 42 và điểm d khoản 1 Điều 43 quy định thành phần hồ sơ bao gồm “Văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, nơi tổ chức có trụ sở chính đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức không thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.</p> <p>Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp Văn bản xác nhận khi nộp hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo là chưa phù hợp, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi nộp hồ sơ bởi vì thẩm quyền cơ quan cấp Văn bản xác nhận (để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận) cũng chính là cơ quan có thẩm quyền xét duyệt hồ sơ đề nghị công nhận và cấp Giấy công nhận.</p> <p>Thành phần hồ sơ này chỉ nên yêu cầu khi tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia (như quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42), không nên yêu cầu khi tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>sơ đề nghị công nhận đối với các trường hợp nêu tại Điều 43.</p> <p>Tại điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải bao gồm “Văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, nơi tổ chức có trụ sở chính đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức không thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.</p> <p>(Hồ sơ phải bao gồm: Văn bản yêu cầu công nhận (có mẫu), Thuyết minh (có mẫu), Xác nhận thuyết minh (không có mẫu)</p> <p>Tuy nhiên, tại mục 7.1 biểu mẫu số IV.3.3.2 - Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo yêu cầu thành viên Hội đồng phải có ý kiến về tính đầy đủ của hồ sơ thì không thấy yêu cầu về Văn bản</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Như vậy có sự mâu thuẫn giữa điểm d khoản 1 Điều 43 và biểu mẫu số IV.5.3.1.</p> <p>1.1. Việc xét công nhận DNKNST được xét theo dự án KNST đã được trình bày trong thuyết minh, tuy nhiên tại biểu mẫu Giấy công nhận DNKNST (mẫu số IV.3.4) chỉ ghi tên doanh nghiệp, mã số thuế/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trụ sở chính, không ghi thông tin về tên dự án KNST (như mẫu số IV.3.3 đối với trường hợp công nhận cá nhân, nhóm cá nhân).</p> <p>Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, DNKNST được "...miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...".</p> <p>Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cơ sở xác định "hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo" được miễn thuế. Trong trường hợp doanh nghiệp được miễn thuế từ các hoạt động từ dự án KNST, đề nghị xem xét bổ sung tên dự án khởi nghiệp sáng tạo vào mẫu Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khi làm việc với cơ quan thuế</p> <p>1.2. Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp KNST: <i>Khả năng tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp hoặc từ việc triển khai dự án KNST đạt tối thiểu 20% trong 02 năm liên tiếp trên cơ sở phân</i></p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p><i>tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp, triển khai dự án khởi nghiệp sáng tạo, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp</i></p> <p>Tuy nhiên, chưa quy định phương pháp xác định, cách tính toán hoặc tiêu chí đánh giá cụ thể đối với các yếu tố nêu trên; đồng thời chưa quy định thành phần hồ sơ, tài liệu chứng minh đề tổ chức, cá nhân làm căn cứ kê khai và cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định</p> <p>Thủ tục đăng ký và công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa quy định cách tính toán, biểu mẫu, yêu cầu thành phần hồ sơ để chứng minh đáp ứng tiêu chí khi thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Điều 10 chỉ quy định các nội dung: Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ; thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ; xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ nhưng chưa quy định thành phần hồ sơ đề xuất nhiệm vụ.</p> <p>Thành phần hồ sơ công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ KNST cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp KNST, chuyên gia hỗ trợ KNST, nhà đầu tư cá nhân KNST bao gồm “<i>Văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan</i></p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, nơi tổ chức có trụ sở chính đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức không thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.</p> <p>- Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp văn bản xác nhận khi nộp hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm ĐMST, Trung tâm ĐMST cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ KNST, Trung tâm hỗ trợ KNST cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, DNKNST, chuyên gia hỗ trợ KNST, nhà đầu tư cá nhân KNST là chưa phù hợp, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi nộp hồ sơ bởi vì thẩm quyền cơ quan cấp văn bản xác nhận (để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận) cũng chính là cơ quan có thẩm quyền xét duyệt hồ sơ đề nghị công nhận và cấp Giấy công nhận.</p> <p>- Thành phần hồ sơ này chỉ nên yêu cầu khi tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm ĐMST cấp quốc gia, Trung tâm hỗ trợ khởi KNST quốc gia (như quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42), không nên yêu cầu khi tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận đối với các trường hợp nêu tại Điều 43.</p> <p>- Tại mục 7.1 biểu mẫu số IV.3.3.2: Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, DN KNST yêu cầu thành viên Hội đồng phải có ý kiến về tính đầy đủ của hồ sơ thì không thấy yêu cầu về Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy có sự mâu thuẫn giữa điểm d khoản 1 Điều 43 và biểu</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>mẫu số IV.5.3.1.</p> <p>Ghi chú: Đối với mẫu Phiếu đánh giá của các Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận Trung tâm ĐMST cấp quốc gia, cấp tỉnh (mẫu số IV.5.1.1), Trung tâm hỗ trợ KNST cấp tỉnh, cấp quốc gia (mẫu số IV.5.2.1) thì vẫn có yêu cầu về Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Qua rà soát, quy định hiện hành chưa quy định cụ thể điều kiện về hạ tầng kỹ thuật việc công nhận Trung tâm hỗ trợ KNST cấp tỉnh, cấp quốc gia, đồng thời chưa giao cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá, dẫn đến khó khăn trong việc xác định mức độ đáp ứng điều kiện của đối tượng thực hiện.</p> <p>Chưa có quy định về tiêu chí xác định "sản phẩm đổi mới sáng tạo", "chuyên đổi số". Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành định nghĩa và giải thích nội hàm pháp lý một các chuẩn xác cho cụm từ "Đổi mới sáng tạo", "Chuyên đổi số". Cần có bộ tiêu chí rõ ràng để đánh giá, kiểm chứng thế nào là một "sản phẩm đổi mới sáng tạo", "chuyên đổi số" tránh tình trạng mông lung cho cả cơ quan quản lý, nhà khoa học và doanh nghiệp khi áp dụng các chính sách ưu đãi.</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.	Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13/6/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và chuyển giao công nghệ	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Thanh tra, Luật xử lý VPHC, Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Sửa để phù hợp với các Luật mới được ban hành.	Thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.	Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nghị định số 268/2025/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ đổi mới sáng tạo bao gồm nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, các nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP chưa quy định hoặc chưa thể hiện rõ nội dung chi đối với nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cụ. Điều này gây khó khăn trong việc xây dựng, phê duyệt, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	
		Nghị định số 267/2025/NĐ-CP	Điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có quy định nội dung chi cho tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khi Nghị định số 267/2025/NĐ-CP không có quy định về việc này	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	Điểm a khoản 1; điểm a, c, d, e khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 9, khoản 5, 6, 7 Điều 35 vướng mắc về lập dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm từ ngân sách nhà nước			Tiêu chí 5,6	
		Tình hình thực tiễn	Chưa có hướng dẫn chi tiết chi của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 265/2025/NĐ-CP dẫn tới việc gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc minh chứng điều kiện tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	điểm b3 khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 16 vướng mắc về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chưa có quy định hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong nội dung phân bổ dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để có thể triển khai tại các Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	<p>Rà soát, hoàn thiện các tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo hướng cụ thể hóa nội dung đánh giá, bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và nâng cao tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.</p> <p>Điều 8. Tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>.....</p> <p>c) Đối với nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo:</p> <p>Có giải pháp thu hút chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>Có giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức quốc tế, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>Có giải pháp nâng cao năng lực, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở cấp địa phương, quốc gia, kết nối quốc tế;</p> <p>Có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, marketing, kết nối đầu tư;</p> <p>Có giải pháp hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	Nội dung hiện hành quy định việc lập dự toán kinh phí chi thường xuyên được thực hiện theo nguyên tắc không trùng lắp. Nguyên tắc “không trùng lắp” phù hợp với nhiệm vụ KH&CN, nhưng chưa phù hợp với hoạt động ĐMST. Trong thực tế, một bài toán công nghệ hoặc nhu cầu thị trường có thể cần nhiều doanh nghiệp cùng tham gia thử nghiệm, phát triển hoặc thương mại hóa theo các hướng tiếp cận khác nhau. Nếu áp dụng cứng nguyên tắc không trùng lắp có thể làm hạn chế cạnh tranh công nghệ và khả năng lựa chọn giải pháp tối ưu của thị trường			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Nghị định 265/2025/NĐ-CP không quy định về xử lý rủi ro cho hoạt động của Quỹ bộ, ngành, địa phương.			Tiêu chí 6	
		Tình hình thực tiễn	Khoản 6 Điều 10 quy định “Đối với khoản chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được điều chỉnh trong từng nội dung chi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 của Nghị định này, được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận.” Nội dung cho phép điều chỉnh tại khoản 6 nên được mở trong toàn bộ phần kinh phí được khoán chi, ngoài ra, khoản 6 chưa quy định rõ cơ sở để đánh giá kết quả khi kết thúc và thanh quyết toán nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường hợp khoán chi từng phần.			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Điều 6 quy định Bộ KH&CN trình TTCP phê duyệt các nội dung đặc thù cho công nghệ chiến lược nhưng chưa có nên nếu triển khai thực hiện thì áp dụng theo định mức chung cho các nhiệm vụ sẽ khó thực hiện được các nhiệm vụ có qui mô lớn, các nội dung chi đặc thù.			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	Điều 11 quy định trường hợp nhiệm vụ không đạt mục tiêu nhưng đã thực hiện đúng quy trình, đúng nội dung và biện pháp phòng ngừa rủi ro thì không phải hoàn trả phần kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu. Nghị định 267 lại quy định về rủi ro được chấp nhận trong nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, hai nghị định chưa thiết kế một quy trình thống nhất để xác định “rủi ro được chấp nhận”, hậu quả tài chính, hậu quả nghiệm thu và trách nhiệm pháp lý. Nếu thiếu quy trình, cơ quan quản lý vẫn e ngại khi xác nhận thất bại hợp lý.			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Điều 22 và Điều 29 quy định kinh phí hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được cấp theo kế hoạch tài chính hằng năm, trong đó có mốc cấp lần đầu, các lần tiếp theo và thời điểm cấp lần cuối. Cơ chế này phù hợp với chu kỳ ngân sách nhưng có thể chưa phù hợp với nhiệm vụ công nghệ chiến lược hoặc nhiệm vụ cấp bách được phê duyệt giữa năm, nhất là khi Nghị định 267 cho phép rút ngắn quy trình xét tài trợ, đặt hàng và triển khai nhanh. Nếu nhiệm vụ được phê duyệt sau mốc cấp kinh phí, có thể phát sinh khoảng trống về nguồn để ký hợp đồng hoặc cấp kinh phí đợt 1.			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Điểm c Khoản 2 Điều 17 quy định “Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để thanh toán tiền từ tài khoản tiền gửi của quỹ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” nên sửa thành “c) Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>khoản để thanh toán tiền từ tài khoản tiền gửi của quỹ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”</p>				
		Tình hình thực tiễn	<p>Sửa Tiểu điểm a1 Điểm a Khoản 5 Điều 23 vì quy định “số liệu được Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản để nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ xác nhận thực chi”: Quy định này không khả thi khi thực hiện vì Kho bạc nhà nước nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản để nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ không xác nhận thực chi đến từng nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ.</p> <p>Quy định về số liệu được Kho bạc nhà nước xác nhận thực chi hàng năm của tổ chức chủ trì gây nhiều cách hiểu khác nhau, nếu là toàn bộ số kinh phí thực chi của tổ chức chủ trì trong năm thì phần lớn không phù hợp với kết quả đánh giá nhiệm vụ KH,CN và ĐMST của Quỹ (tại thời điểm cuối năm không thể cùng lúc hoàn thành đánh giá được toàn bộ các nhiệm vụ)</p>			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	<p>Tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định: “2. <i>Doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi có sản phẩm mới được cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ như lần đầu cấp mới, tính từ ngày được bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</i>”</p> <p>Tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 320/NĐ-CP quy định: <i>b) Trường hợp doanh nghiệp đã hưởng hết ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp mà</i></p>			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng mức ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi đã hưởng trước đó theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (số năm đã áp dụng miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi);</p> <p>Điều này đồng nghĩa những sản phẩm mới được cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận DNKHCN tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại. Việc quy định như trên gây khó khăn, hiểu nhầm cho doanh nghiệp trong việc xác định thời gian hưởng ưu đãi.</p>				
		Tình hình thực tiễn	Sửa đổi điểm a, điểm m Khoản 3 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất nội dung hỗ trợ giữa Nghị định 265/2025/NĐ-CP và Nghị định 267/2025/NĐ-CP.			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Bổ sung Khoản 3 Điều 6 “Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức” để phù hợp với nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực tại Nghị định 267/2025/NĐ-CP			Tiêu chí 5	
		Tình hình	Điểm a khoản 11 Điều 6 đã quy định chi cho công tác quản			Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		thực tiễn	<p>lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả và chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa nêu rõ nội dung chi cho việc tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả và hiệu quả hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ. Đây là nội dung phát sinh thường xuyên trong quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ, đặc biệt khi tổng hợp kết quả từ bộ, ngành, địa phương; đánh giá hiệu quả sau chuyển giao; nhận diện khó khăn, vướng mắc; và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ.</p> <p>Nếu không làm rõ nội dung này, khi lập dự toán, thẩm định, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí có thể phát sinh cách hiểu khác nhau: coi đây là nội dung đánh giá, đo lường hiệu quả thuộc chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoặc coi là nội dung nghiên cứu/tư vấn độc lập chưa có tên chi cụ thể. Điều này có thể gây khó khăn cho cơ quan, đơn vị khi bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ.</p>				
		Tình hình thực tiễn	<p>Tại điểm g, khoản 2 Điều 7 quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt số lượng nhiệm vụ dự kiến trên cơ sở danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề xuất.</p> <p>Việc quy định phải có danh mục khi lập dự toán chưa phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị định 265/2025/NĐ-CP và không bị bó hẹp so với quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 63 Luật KHCN&ĐMS</p>			Tiêu chí 5	
		Tình hình	Khoản 1 Điều 16 và khoản 2 Điều 16 chưa xác định rõ loại			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		thực tiễn	hình tổ chức của Quỹ trong các văn bản Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, tổ chức của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước có nêu chủ trương “không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng trong đơn vị theo quy định”				
		Tình hình thực tiễn	Khoản 4 Điều 16 Nghị định 265/2025/NĐ-CP quy định các nội dung chi của Quỹ Bộ, ngành địa phương nêu các đầu mục chi nhưng khi viện dẫn thì thiếu đầu mục chi của khoản 6 Điều 6 NĐ 265 về "chi hỗ trợ phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp..."			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Tiêu chí công nhận doanh nghiệp KNST và tiêu chí công nhận trung tâm ĐMST, trung tâm hỗ trợ KNST, chuyên gia hỗ trợ KNST, nhà đầu tư cá nhân KNST theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP đang có sự phụ thuộc lẫn nhau, dẫn đến khó xác định điều kiện công nhận. Cụ thể, DNKNST muốn được công nhận phải được trung tâm ĐMST, trung tâm hỗ trợ KNST hỗ trợ hoặc đầu tư, trong khi các trung tâm muốn được công nhận lại phải chứng minh đã hỗ trợ DNKNST, tương tự vậy với chuyên gia hỗ trợ KNST và nhà đầu tư KNST. Quy định này có thể dẫn đến khó khăn trong việc xác định điều kiện công nhận, đặc biệt trong giai đoạn đầu triển khai hoặc tại các địa phương chưa phát triển đầy đủ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	Về cơ chế quản lý tài chính, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và mẫu hợp đồng kèm theo quy định việc cấp kinh phí theo hướng chỉ thực hiện khi doanh nghiệp, tổ chức đã cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ; quyết toán theo từng nội dung/hạng mục (không quyết toán tổng thể hợp đồng) và thanh lý hợp đồng sau khi quyết toán nội dung tài trợ lần cuối (khoản 3 Điều 18) không thực hiện nghiệm thu nhiệm vụ. Cơ chế này làm giảm tính chủ động và khả năng hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ theo chuỗi, nhất là các giai đoạn đầu cần nguồn lực ứng trước			Tiêu chí 6	
7.	Quyết định 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Một số quy định giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn, tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay không còn Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, chức năng đã chuyển sang Bộ Nội vụ	Văn bản thay thế	2026	Tiêu chí 2	
8.	Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên	Tình hình thực tiễn	Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ; trong đó có cung cấp dịch vụ chuyển giao công nghệ, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tư vấn, môi giới, xúc tiến			Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<p>môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>“khoản 2 Điều 5 về nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hoạt động nghiên cứu, hoạt động sự nghiệp, dịch vụ trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ.”</p>		<p>chuyển giao công nghệ.</p> <p>Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa nêu rõ nhiệm vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; chưa nêu rõ nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thẩm định công nghệ trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Việc chưa quy định rõ có thể gây khó khăn cho Trung tâm Ứng dụng khi xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể, tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, lập dự toán, ký hợp đồng dịch vụ và triển khai hoạt động hỗ trợ thị trường khoa học và công nghệ tại địa phương.</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9.	Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Tình hình thực tiễn	Điểm b3 điểm b khoản 2 Điều 4 dẫn đến doanh nghiệp làm tổ chức chủ trì sẽ không được nhận tiền tài trợ từ NSNN cho hầu hết các hạng mục chi của nhiệm vụ do đó không khả thi trong triển khai các chính sách thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.				
Tình hình thực tiễn		Bổ sung khoản mới tại Điều 38 Thông tư 39 để hướng dẫn chi đối với nội dung chi hỗ trợ hoạt động truyền thông KH&ĐT, phổ biến tri thức và hỗ trợ hoạt động xuất bản khoa học	Văn bản sửa đổi, bổ sung, đồng thời bổ sung hướng dẫn chi đối với nội dung chi bổ sung tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 265		Tiêu chí 6		
Nghị định số 267/2025/NĐ-CP		Khoản 1, Điều 44, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định: “Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo quy định Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.” Tuy nhiên, khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 có nội dung quy định: “1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt	Bãi bỏ một phần		Tiêu chí 2		

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ.”</p> <p>Như vậy, một số nhiệm vụ được đề xuất trước ngày 01/10/2025, đến ngày 01/01/2026 mà chưa được phê duyệt thì phải thực hiện các Quy định tại Thông tư 39/2025/TT-BKH-CN. Tuy nhiên, theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thì được tiếp tục thực hiện theo quy định trước đó (theo Luật Khoa học và công nghệ và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành).</p>				
		Tình hình thực tiễn	Nội dung hiện nay quy định Chuyên gia trong nước phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp và đã tham gia nhiệm vụ KH,CN&ĐMST tương đương. Theo đó, điều kiện “đã tham gia nhiệm vụ KH,CN&ĐMST tương đương” có thể hạn chế sự tham gia của chuyên gia doanh nghiệp, startup, chuyên gia công nghệ mới hoặc chuyên gia thị trường có năng lực thực tiễn cao nhưng chưa từng tham gia nhiệm vụ NSNN.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	
		Tình hình thực tiễn	Nội dung hiện hành quy định Nhiệm vụ ĐMST tạo ra sản phẩm/mô hình mới được hỗ trợ tối đa 50%; nhiệm vụ tạo ra sản phẩm/mô hình cải tiến đang kể được hỗ trợ tối đa 30%. Cách phân loại hiện nay chủ yếu dựa trên mức độ “mới”	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			của kết quả đầu ra, nhưng chưa phản ánh đầy đủ mức độ rủi ro công nghệ, rủi ro thị trường, quy mô doanh nghiệp hoặc tính chiến lược của công nghệ. Có thể dẫn tới trường hợp nhiệm vụ có rủi ro rất cao nhưng chỉ được hỗ trợ ở mức thấp				
		Tình hình thực tiễn	Nội dung hiện nay tại Thông tư 39 quy định đối với nhiệm vụ ĐMST do doanh nghiệp thực hiện, NSNN không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 265 quy định các khoản chi của chính doanh nghiệp cho hoạt động ĐMST trong doanh nghiệp để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, gồm: tiền lương, thuê chuyên gia, dịch vụ ĐMST, không gian số, sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, kiểm thử sản phẩm, huấn luyện, hội chợ, triển lãm... Đây là nhóm chi rất rộng và cũng chính là các nội dung cốt lõi của nhiệm vụ ĐMST. Do đó, khi Thông tư số 39 quy định NSNN không bảo đảm các khoản này đối với nhiệm vụ ĐMST do doanh nghiệp thực hiện, thì về thực chất có thể làm thu hẹp đáng kể phạm vi hỗ trợ NSNN cho doanh nghiệp, thậm chí loại trừ nhiều nội dung chi mà Nghị định 265 đã cho phép NSNN hỗ trợ tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	
10.	Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 16/11/2025 quy định khung về trình tự, thủ tục	Nghị định số 267/2025/NĐ-CP	Nghị định số 267/2025/NĐ-CP không có quy định về tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong khi Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN lại có các biểu mẫu về tự đánh giá, dẫn đến cách hiểu khác nhau về việc bắt buộc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		<p>Khoản 4 Điều 13 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương”. Tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tùy theo yêu cầu quản lý nhà nước ban hành quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng giao nhiệm vụ, quản lý, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.”.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26/11/2025 của Bộ KH&CN Quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p>				
11.	Thông tư số 45/2025/TT-BKHHCN ngày 15/12/2025 quy định hoạt động thống kê ngành khoa học và		Thông tư số 45/2025/TT-BKHHCN đã quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ; danh mục điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, hệ thống chỉ tiêu và biểu mẫu hiện hành chưa phản ánh đầy đủ một số nội dung mới phát sinh trong quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ và		2026	Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	công nghệ		<p>đổi mới sáng tạo.</p> <p>Cụ thể, chưa có chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê riêng để thu thập, tổng hợp thông tin về thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù; chưa có biểu mẫu thống kê tình hình cung cấp thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ; chưa có chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê đầy đủ về tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, sàn giao dịch khoa học và công nghệ, kết quả kết nối, tư vấn, môi giới, giao dịch công nghệ qua sàn.</p> <p>Việc thiếu các chỉ tiêu, biểu mẫu nêu trên dẫn đến dữ liệu phục vụ quản lý còn phân tán, chưa chuẩn hóa; khó tổng hợp, so sánh giữa các địa phương, bộ, ngành; chưa đáp ứng yêu cầu theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển tổ chức trung gian và sàn giao dịch khoa học và công nghệ.</p>				
12.	Thông tư số 47/2025/TT-BKHHCN ngày 24/12/2025 Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Tình hình thực tiễn	<p>Thông tư số 47/2025/TT-BKHHCN ngày 24/12/2025 Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>“Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-BKHHCN: chưa có hoặc chưa đầy đủ một số chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo phục vụ theo dõi hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.”” “Thông tư số 47/2025/TT-BKHHCN đã quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; trong Phụ lục I đã có một số biểu mẫu liên quan đến đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ.</p>		2026	Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>Tuy nhiên, hệ thống biểu mẫu hiện hành chưa bao quát đầy đủ các nội dung quản lý mới phát sinh trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, như: hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo; thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù; cung cấp thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ; phát triển tổ chức trung gian và sàn giao dịch khoa học và công nghệ.</p> <p>Bên cạnh đó, Biểu số 05.12/ĐGTĐCN và Biểu số 05.13/LTĐMCN chưa đủ chi tiết để thu thập, tổng hợp dữ liệu phục vụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực sản xuất; xây dựng, triển khai lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ của bộ, ngành, địa phương. Việc thiếu biểu mẫu và chỉ tiêu báo cáo làm hạn chế khả năng chuẩn hóa dữ liệu, so sánh giữa các bộ, ngành, địa phương; khó tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nêu trên."</p>				
13.	Thông tư số 24/2021/TT-BTTTT ngày 27/12/2021 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất,	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Bổ sung các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: tần số vô tuyến điện, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông						
14.	Thông tư số 26/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ TTTT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Bổ sung các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: tần số vô tuyến điện, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thông						
15.	Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ	Tình hình thực tiễn	Định mức không đảm bảo công lao động trực tiếp khi tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, ví dụ như về biên soạn và xuất bản tin đối với Nghiên cứu viên hạng III bậc 6/9 là quá thấp (0,25) so với bậc 4/9 (22,08),	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	
16.	Thông tư số 20/2022/TT-BKHCN ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan,	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Chưa có một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KHCN: tần số vô tuyến điện, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương						
17.	Thông tư số 01/2023/TT-BTTTT ngày 01/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại chính quyền địa phương	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Chưa có một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KHCN	Ban hành Thông tư thay thế	2026	Tiêu chí 2	
18.	Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ TTTT hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo,	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Chưa có vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm tương ứng với các lĩnh vực quản lý nhà nước mới của Bộ KHCN sau hợp nhất (tần số vô tuyến điện, viễn thông, bưu chính, công nghệ thông tin).	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ TTTT)						
19.	Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP Nghị định số 361/2025/NĐ-CP	Vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm thuộc lĩnh vực BC, XBIPH, PTHH, TTĐN, TTCS chưa phù hợp. Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP quy định về VTVL công chức (Nghị định số 361/2025/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành ngay và thay thế các quy định về VTVL quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP. Theo đó, danh mục VTVL, mẫu bản mô tả công việc và khung năng lực được quy định tại Nghị	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Trường hợp hoàn thành việc phê duyệt VTVL công chức theo quy	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ TTTT)		định số 361/2025/NĐ-CP và áp dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Các bộ quản lý ngành không phải hướng dẫn VTVL như trước đây. Vì vậy, các đơn vị khi xây dựng VTVL chỉ căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP mà không căn cứ Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành như trước đây. Đồng thời, các Thông tư hướng dẫn VTVL của các bộ quản lý ngành không còn hiệu lực thi hành, trong đó có Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT và Thông tư số 16/2023/TT-BKHCHN.	định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, có thể bãi bỏ			
20.	Thông tư số 16/2023/TT-BKHCHN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm thuộc lĩnh vực: tần số vô tuyến điện, viễn thông, bưu chính, công nghệ thông tin; - Bổ đối tượng áp dụng là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực KHCN cấp huyện. 	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ						
21.	Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KHCN hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức KHCN công lập	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Bổ sung danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm tương ứng với các lĩnh vực quản lý nhà nước mới của Bộ KHCN sau hợp nhất (tần số vô tuyến điện, viễn thông, bưu chính, công nghệ thông tin).	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	2026	Tiêu chí 2	
22.	Thông tư số 03/2024/TT-BTTTT ngày 30/4/2024 Quy hoạch băng tần 1710-1785 MHz và 1805-1880 MHz cho hệ	Tình hình thực tiễn	Điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BTTTT quy định: “Giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần 1710-1785 MHz và 1805-1880 MHz là 2x20 MHz theo phương thức FDD. Hiện nay Nhà nước có chủ trương cấu trúc lại nhiều doanh nghiệp, có thể có các trường hợp sáp nhập, hợp nhất dẫn đến việc giảm số doanh nghiệp tham gia thị trường. Khi đó,	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thống thông tin di động mặt đất công cộng IMT của Việt Nam		với hiện trạng đã cấp và quy định giới hạn tối đa lượng băng tần mà doanh nghiệp được cấp phép hiện hành trong băng tần 1800 MHz, 2100 MHz, doanh nghiệp còn lại trong băng tần 2100 MHz hoặc 1800 MHz không tiếp cận được với phổ tần mà doanh nghiệp khác để lại. Nhu vậy, quy định về mức CAP trong quy hoạch băng tần 1800 MHz theo Thông tư 03/2024/TT-BTTTT không phù hợp trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất làm giảm doanh nghiệp tham gia thị trường.				
23.	Thông tư số 09/2024/TT-BTTTT ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần,	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ KHCN (sau hợp nhất)	Xây dựng văn bản thay thế Hạn trình: Tháng 6/2026	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông						
24.	Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ KHCN (sau hợp nhất)	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	Theo Kế hoạch triển khai Luật Viên chức năm 2025	Tiêu chí 2	
25.	Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ KHCN	Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ thuộc chức năng	Điều 3 và Phụ lục I quy định danh mục, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL chuyên trách về chuyển đổi số áp dụng đối với công chức được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, việc hướng dẫn đối với VTVL công chức được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP được xây dựng căn cứ theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP , Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT và	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		quản lý nhà nước của Bộ KHCN	<p>Thông tư số 06/2024/TT-BNV . Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP quy định về VTVL công chức (Nghị định số 361/2025/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành ngay và thay thế các quy định về VTVL quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP . Theo đó, danh mục VTVL, mẫu bản mô tả công việc và khung năng lực được quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP và áp dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Các bộ quản lý ngành không phải hướng dẫn VTVL như trước đây. Vì vậy, các đơn vị khi xây dựng VTVL chỉ căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP mà không căn cứ Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành như trước đây. Đồng thời, các Thông tư hướng dẫn VTVL của các bộ quản lý ngành không còn hiệu lực thi hành, trong đó có Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT và Thông tư số 06/2024/TT-BNV.</p> <p>Bên cạnh đó, về danh mục VTVL, mẫu bản mô tả công việc và khung năng lực của nhóm VTVL về chuyển đổi số được quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP cũng có nhiều thay đổi so với quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN (như: bổ sung nhóm VTVL về quản lý công nghiệp công nghệ số; nhóm VTVL về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; nhóm VTVL về quản lý kinh tế số; nhóm VTVL về quản lý xã hội số,...). Thêm vào đó, tên VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL chuyên trách về chuyển đổi số áp dụng đối với công chức theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN của Nhóm VTVL về quản lý công nghệ thông tin và Nhóm VTVL về công nghệ thông tin đã không còn được quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			CP. Do vậy, nội dung hướng dẫn VTVL được hưởng hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số trong Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN hiện nay có những quy định không còn phù hợp.				
26.	Thông tư số 37/2025/TT-BKHCN ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh khoa học, chức danh công nghệ; thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.	Luật Viên chức số 129/2025/QH15	Chương III. Thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác. Tuy nhiên, Luật Viên chức số 129/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 không có quy định chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cao hơn.	Bãi bỏ quy định tại Chương III Thông tư số 37	Sau khi Luật Viên chức có hiệu lực	Tiêu chí 2	
27.	Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày	Tình hình thực tiễn	Điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 19 chưa thể hiện rõ vai trò của Quỹ trong việc rà soát, thẩm định kinh phí.	Thông tư sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	30/11/2025 quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ	Tình hình thực tiễn	Khoản 2 Điều 25 không quy định mức trần chi phí quản lý. Việc không quy định mức trần tuyệt đối nhằm bảo đảm kinh phí quản lý được xác định tương ứng với quy mô, tính chất và yêu cầu quản lý của từng nhiệm vụ; đồng thời tránh trường hợp các nhiệm vụ có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài không đủ nguồn lực để thực hiện công tác quản lý, giám sát và tổ chức triển khai nhiệm vụ. Do kinh phí quản lý được xác định theo tỷ lệ phần trăm trên kinh phí nhiệm vụ nên đã có cơ chế kiểm soát tự nhiên theo quy mô nhiệm vụ, bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn triển khai.			Tiêu chí 5	
28.	Quyết định số 08/2008/QĐ-BKHCN ngày 08/7/2008 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025	Về thể thức, Quyết định số không còn phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 do Quyết định của Bộ trưởng không còn là văn bản QPPL. Văn bản được dẫn chiếu trong nội dung của Quyết định đã hết hiệu lực (Nghị định số 115/2025/NĐ-CP)	Thay thế		Tiêu chí 2	Thanh tra Chính phủ

II. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

29.	Luật Bưu chính năm 2010	Tình hình thực tiễn	Điều 24 Luật Bưu chính năm 2010 quy định về “Thu hồi giấy phép bưu chính”, tuy nhiên hiện nay chưa có quy định về quy trình, trình tự thu hồi Giấy phép bưu chính, cần bổ sung	Luật sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Khoản 1 Điều 26 Luật Bưu chính năm 2010 quy định về trường hợp không cần giấy phép bưu chính, không cần thông báo hoạt động chưa có văn bản quy định cụ thể về số lượng bưu gửi tối đa theo quy định của cơ quan nhà nước				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>có thẩm quyền về bưu chính. Tuy nhiên, chưa có quy định về số lượng bưu gửi tối đa theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính dẫn đến khó khăn khi xác định các trường hợp không cần giấy phép bưu chính, không cần thông báo hoạt động, ảnh hưởng đến công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các cá nhân nhận, vận chuyển và phát thư, gói, kiện hàng hoá</p> <p>Bãi bỏ toàn bộ điều kiện: Có nhân sự phù hợp với phương án kinh doanh theo nội dung đề nghị được cấp giấy phép Điều b khoản 2 Điều 21</p> <p>- Do sự phát triển, của thương mại điện tử, trong đó giao hàng chặng cuối đang giao thoa giữa dịch vụ bưu chính và giao thông vận tải, kho bãi... Việc có giao thoa giữa dịch vụ bưu chính, Giao thông vận tải, kho bãi... dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước. Vì vậy, phân định rõ ràng đối với hoạt động bưu chính và hoạt động vận tải để có giải pháp quản lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p>				
30.	Thông tư 23/2016/TT-BTTTT ngày 2/11/2016 điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành	Tình hình thực tiễn	Thay đổi nội dung điều tra, cách ghi chép thống kê số sách tại cấp huyện do việc sáp nhập các tỉnh và bỏ đơn vị hành chính cấp huyện	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	báo chí						
31.	Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02/10/2015 Quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Tình hình thực tiễn, Nghị quyết 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025	<p>- Điều 1 Thông tư này quy định: Điều 1. Thông tư này quy định các danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, bao gồm:</p> <p>1. Danh mục A: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát tối thiểu 1-3 lần/tuần;</p> <p>2. Danh mục B: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát theo tình hình thực tế.</p> <p>- Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương quy định đơn vị hành chính được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: cấp tỉnh và cấp xã, dẫn đến tác động, ảnh hưởng đến việc xác định địa bàn trước đây thuộc đơn vị hành chính cấp huyện.</p>	Sửa đổi, bổ sung	Năm 2027	Tiêu chí 2	
32.	TT 23/2016/TT-BTTTT ngày 2/11/2016 điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	Tình hình thực tiễn	<p>- Khoản 2 Điều 7, Điều 9 và các điều khoản liên quan khác</p> <p>- Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương quy định đơn vị hành chính được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: cấp tỉnh và cấp xã, dẫn đến tác động, ảnh hưởng đến việc xác định địa bàn trước đây thuộc đơn vị hành chính cấp huyện.</p>	Sửa đổi, bổ sung	Năm 2027	Tiêu chí 2	
33.	Thông tư số 07/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy	Tình hình thực tiễn, Nghị quyết 190/2025/N	<p>Điều 5. Cấu trúc Mã bưu chính quốc gia:</p> <p>Mã bưu chính quốc gia bao gồm tập hợp 05 (năm) ký tự số, cụ thể như sau:</p> <p>1. Hai (02) ký tự đầu tiên xác định tỉnh, thành phố trực</p>	Sửa đổi, bổ sung	Năm 2027	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	định về mã bưu chính quốc gia	Q-QH15 ngày 19/02/2025	thuộc Trung ương. 2. Ba (03) hoặc bốn (04) ký tự đầu tiên xác định quận, huyện và đơn vị hành chính tương đương. 3. Năm (05) ký tự xác định đối tượng gán Mã bưu chính quốc gia. - Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương quy định đơn vị hành chính được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: cấp tỉnh và cấp xã, dẫn đến tác động, ảnh hưởng đến việc xác định địa bàn trước đây thuộc đơn vị hành chính cấp huyện.				
34.	Thông tư 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/06/2017 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP	- Đổi tên do sáp nhập Bộ, Sở: Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông - Nội dung thay đổi liên quan đến cơ cấu tổ chức, mô hình (thời gian toàn trình thuộc phạm vi quận/thị xã/huyện, thời gian khiếu nại...)	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	
		Tình hình thực tiễn	- Điểm Khoản 7 Điều 2: đ) Thời gian toàn trình trong phạm vi nội tỉnh được quy định như sau (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật): + Tối đa J + 1 đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ hoặc chuyển trả kết quả trong phạm vi nội quận/thị xã/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh; tối đa J + 2 đối với trường hợp có phát giấy hẹn trả kết quả. + Tối đa J + 2 đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ hoặc chuyển trả kết quả giữa các quận/thị xã/huyện/thành phố trực thuộc	Sửa đổi, bổ sung	Năm 2027	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			tỉnh; tối đa J + 4 đối với trường hợp có phát giấy hẹn trả kết quả. - Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương quy định đơn vị hành chính được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: cấp tỉnh và cấp xã, dẫn đến tác động, ảnh hưởng đến việc xác định địa bàn trước đây thuộc đơn vị hành chính cấp huyện.				
35.	Thông tư 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 Quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Tình hình thực tiễn	- Đổi tên do sát nhập Bộ, Sở: Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông - Nội dung thay đổi liên quan đến cơ cấu tổ chức, mô hình (Mức giá cước quận/thị xã/huyện/ thành phố, Quy định về vùng tính giá cước...)	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn Nghị quyết 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025	- Phụ lục Thông tư; - Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương quy định đơn vị hành chính được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: cấp tỉnh và cấp xã, dẫn đến tác động, ảnh hưởng đến việc xác định địa bàn trước đây thuộc đơn vị hành chính cấp huyện.	Sửa đổi, bổ sung	Năm 2027	Tiêu chí 2	
36.	Thông tư số 15/2022/TT-BTTTT ngày 31/10/2022 của Bộ trưởng Bộ	Tình hình thực tiễn	Hiện tại tần suất phát và thời gian toàn trình (nội tỉnh, liên tỉnh, vùng địa lý đặc biệt) quy định dựa trên đơn vị hành chính hiện tại. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập tỉnh, bỏ cấp huyện và sắp xếp lại cấp xã thì tần suất phát, thời gian toàn trình phải điều chỉnh lại theo vùng địa lý mới phù hợp với	Thông tư thay thế	2026	Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg		<p>tình hình thực tế nhưng vẫn bảo đảm chất lượng tốt nhất và an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.</p> <p>Khi bỏ cấp huyện, sắp xếp lại cấp xã, cần quy định cụ thể lại về việc bố trí khu vực khai thác riêng tại cấp xã để đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.</p> <p>Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước: Sở Thông tin và Truyền thông hợp nhất với Sở Khoa học và Công nghệ, nên tại Thông tư quy định trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Cập nhật danh sách khi có công bố sắp xếp lại các cấp và khu vực đặc khu ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn có điều kiện địa lý đặc biệt.</p>				
III. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG							

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
37.	Luật Đo lường năm 2011	Tình hình thực tiễn	Cần bổ sung, điều chỉnh một số chính sách để phù hợp yêu cầu thực tiễn hiện nay. Ngoài ra, một số quy định cụ thể trong Luật không còn phù hợp. Ví dụ: Điều 50, 51; khoản 3, khoản 4 Điều 56 Quy định thanh tra về đo lường; đối tượng và nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đo lường; Quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện và cấp xã trong thực hiện công tác quản lý nhà nước về đo lường. Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025: Không còn Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ và thanh tra chuyên ngành về đo lường Điều 1, Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025: Không còn tổ chức chính quyền địa phương là UBND cấp huyện và thực hiện tổ chức lại UBND cấp xã.	Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường	2026	Tiêu chí 5	
		Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Nội dung về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Điều 25 không nằm trong danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chưa phù hợp với khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026				
38.	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2025	Tình hình thực tiễn	Luật số 70/2025/QH15 chỉ là luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, chưa được bổ sung, sửa đổi toàn diện. Vì vậy, trong quá trình triển khai từ năm 2026 có thể phát sinh những quy định, nội dung giao thoa giữa Luật số 68/2006/QH11 và quy định mới.	Tiếp tục rà soát			Chưa thể hiện rõ vướng mắc, bất cập

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>Ngoài ra, Luật số 70/2025/QH15 chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều có thể dẫn đến tình trạng các quy định mới chưa được sắp xếp lại trong một cấu trúc tổng thể, logic và dễ áp dụng; một số quy định của Luật số 68/2006/QH11 về xây dựng, thẩm định, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước giữa cơ quan trung ương và địa phương có thể chưa phù hợp với chính sách, quy định mới về phân cấp, phân quyền, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục đánh giá gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về nghĩa vụ, thẩm quyền xây dựng, thẩm định, đánh giá tác động, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo phù hợp WTO/TBT, FTA thế hệ mới, và thông lệ quốc tế đảm bảo minh bạch hóa, loại bỏ lợi ích nhóm, cục bộ. - Quy định về xã hội hóa công tác tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, chuyên gia kỹ thuật tham gia sâu vào xây dựng tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ doanh nghiệp Việt Nam có thể mạnh. - Nguyên tắc, phương thức áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tại Việt Nam. - Nguyên tắc cơ bản xây dựng, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật phải đảm bảo phù hợp thực tiễn phát triển kinh tế xã hội, thông lệ quốc tế. - Quy định về đăng ký, tiếp nhận bản công bố hợp quy trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và việc kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế về TCĐLCL thúc đẩy cải cách TTHC, giảm thời gian, chi phí tuân thủ. 				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			- Quy định về thiết lập, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về TCĐLCL và đảm bảo kết nối Trung tâm Dữ liệu Quốc gia.				
39.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025	Tình hình thực tiễn	<p>- Tiêu chí phân loại rủi ro cần được lượng hóa và cập nhật linh hoạt; phương thức chuyển đổi từ danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 sang danh mục rủi ro trung bình, rủi ro cao cần thống nhất giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; cơ chế phối hợp giữa cơ quan tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hải quan, quản lý thị trường, cơ quan chuyên ngành và địa phương cần rõ trách nhiệm, dữ liệu và quy trình; việc thừa nhận, công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp còn liên quan nhiều hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế; cơ sở dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, cảnh báo và thu hồi sản phẩm chưa hình thành thành một chu trình quản lý số thống nhất.</p> <p>- Thực tiễn quản lý hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa lưu thông trên thị trường và hàng hóa kinh doanh qua thương mại điện tử, nền tảng số, mạng xã hội, giao dịch xuyên biên giới đặt ra yêu cầu mới về trách nhiệm cung cấp thông tin chất lượng, kiểm soát nguồn gốc, cảnh báo rủi ro, thu hồi sản phẩm không an toàn và xử lý vi phạm. Nếu chỉ sửa đổi từng điều, từng nhóm vấn đề sẽ khó bao quát đầy đủ những mô hình kinh doanh mới, sản phẩm mới, dịch vụ gắn với sản phẩm, hàng hóa không tồn tại dưới dạng vật chất, sản phẩm công nghệ cao, hàng hóa có vòng đời ngắn và chuỗi cung ứng đa chủ thể.</p> <p>- Trong giai đoạn tới, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa sẽ không chỉ được đánh giá theo tiêu chí an toàn, công dụng, tính năng kỹ thuật, mà còn gắn với tiêu chí xanh, bền vững, phát thải carbon, khả năng tái chế, vòng đời sản phẩm, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, truy xuất</p>	Tiếp tục rà soát			Chưa thể hiện rõ vướng mắc, bất cập

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>nguồn gốc nguyên liệu, minh bạch thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu. Các thị trường lớn đang ngày càng sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn an toàn và yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng như điều kiện tiếp cận thị trường. Nếu pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa không được thiết kế lại theo hướng hiện đại, thống nhất và có khả năng dự báo, doanh nghiệp Việt Nam có thể gặp khó khăn trong đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế; cơ quan quản lý nhà nước cũng có thể lúng túng trong quản lý sản phẩm mới, hàng hóa mới, mô hình kinh doanh mới, hàng hóa lưu thông xuyên biên giới và rủi ro phát sinh trên môi trường số.</p> <p>- Việc sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đã được đặt ra, nhằm đổi mới nền tảng kỹ thuật cho hoạt động quản lý chất lượng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu hội nhập. Tuy nhiên, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa là hai lĩnh vực có quan hệ hữu cơ, tạo thành một chuỗi quản lý thống nhất từ khâu xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy; đánh giá sự phù hợp; kiểm tra chất lượng; hậu kiểm; truy xuất nguồn gốc; cảnh báo, thu hồi và xử lý sản phẩm, hàng hóa không phù hợp. Do đó, khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng đổi mới phương thức quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền, ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy xã hội hóa và hài hòa với thông lệ quốc tế, thì Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng cần được rà soát, sửa đổi đồng bộ để bảo đảm tính liên thông của toàn bộ hệ thống pháp luật về hạ tầng chất lượng quốc gia.</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
40.	Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thanh tra, Luật xử lý VPHC Luật tổ chức chính quyền địa phương,... và các NĐ hướng dẫn	Sửa để phù hợp với các Luật mới được ban hành và văn bản hướng dẫn	Nghị định thay thế	sau khi Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) được thông qua	Tiêu chí 2	
41.	Nghị định số 22/2026/NĐCP	Tình hình thực tiễn	Một thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận và 03 thủ tục hành chính về kiểm tra xác nhận, xác nhận giá trị sử dụng đã được thực thi tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP và sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027.	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 4	
42.	Nghị định số 37/2026/NĐCP	Tình hình thực tiễn	Thực trạng áp dụng cơ chế về nhãn sản phẩm khi thay đổi tên doanh nghiệp theo khoản 5 Điều 98 nhãn sản phẩm và khó khăn phát sinh: Để đảm bảo quy trình sản xuất, tránh đứt gãy chuỗi cung ứng, các công ty thường quản lý số lượng rất lớn nhãn sản phẩm, bao gồm: - Các sản phẩm do Công ty trực tiếp thực hiện thủ tục tự công bố/công bố sản phẩm theo quy định pháp luật - Các sản phẩm do Đối tác của Công ty thực hiện thủ tục	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>công bố sản phẩm, trong đó Công ty là đơn vị chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm ra thị trường.</p> <p>Do danh mục sản phẩm đa dạng và lượng bao bì đã được in ấn, lưu kho lớn nhằm bảo đảm sản xuất liên tục, việc nếu phải chuyển đổi đồng loạt toàn bộ nhãn sản phẩm trong thời gian ngắn sau khi thay đổi tên doanh nghiệp là không khả thi về mặt kỹ thuật, vận hành và chi phí; đồng thời có nguy cơ gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh lãng phí bao bì.</p> <p>Theo khoản 5 Điều 98 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa có thay đổi thông tin do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không làm thay đổi.</p> <p>Trên cơ sở các nội dung nêu trên, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục và hạn chế lãng phí bao bì, kính đề nghị các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét và chấp thuận các nội dung sau: - Cho phép Công ty tiếp tục sử dụng nhãn hàng hóa thể hiện Tên Công ty Cũ trong giai đoạn chuyển tiếp sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận Tên Công ty Mới; - Thời hạn áp dụng: 06 tháng - 1năm, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận Tên Công ty Mới được cấp; - Phạm vi áp dụng: Sản phẩm do Công ty trực tiếp thực hiện công bố sản phẩm; và sản phẩm do Đối tác của Công ty thực hiện công bố sản phẩm, Công ty chịu trách nhiệm phân phối.</p>				
	Nghị định 37/2026/NĐ-CP	Tình hình thực tiễn	Quy định yêu cầu thay đổi nhãn hàng hóa đồng loạt ngay khi doanh nghiệp đổi tên pháp nhân mà không có lộ trình chuyển tiếp. Khó khăn thực tế: Việc này gây lãng phí cực lớn do phải hủy bỏ lượng nhãn cũ khổng lồ và làm gián	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			đoạn việc lưu thông hàng hóa trên thị trường dù nội dung kỹ thuật của sản phẩm không đổi. Cho phép thời gian chuyển tiếp từ 6-12 tháng để doanh nghiệp tiêu thụ hết lượng nhãn cũ sau khi đổi tên pháp nhân				
43.	Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thay thế Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg, bảo đảm thống nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	Quyết định thay thế	Năm 2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
44.	Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước	Tình hình thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng áp dụng: không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp mới hiện nay - Phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (ISO) chủ yếu trong giải quyết TTHC. - Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích cao trong thực hiện Quyết định này cũng như các quy định về hình thức xử lý vi phạm nên không có tiêu chí đề khen thưởng. (Ban hành Tiêu chí chấm điểm cơ quan xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 để làm căn cứ đề nghị khen thưởng hằng năm. - Ban hành quy định xử lý vi phạm đối với hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan đơn vị.) 	Quyết định thay thế	Năm 2026	Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	Chưa có hình thức khen thưởng để khuyến khích, động viên cơ quan, cá nhân có thành tích; chưa có chế tài xử lý vi phạm trong xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001; chưa có hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin nên việc triển khai tại bộ, ngành, địa phương chưa đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; chưa có tiêu chí chung để chấm điểm, đánh giá việc xây dựng, áp dụng HTQLCL làm căn cứ đề xuất khen thưởng. Việc không còn chấm điểm hoạt động ISO 9001 trong chỉ số cải cách hành chính làm giảm động lực thúc đẩy hoạt động này.			Tiêu chí 6	
45.	Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chỉ thị số	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 3 Quy chế kèm theo. - Điều 4, Điều 10, Điều 15, Chương II Quy chế kèm theo. - Điều 8, Điều 9, Điều 11 Chương III Quy chế kèm theo. Cơ bản phù hợp, tuy nhiên, cần được nghiên cứu sửa đổi, 	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 1	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	38-CT/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, và yêu cầu tại Luật số 70/2025/QH15, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	bổ sung đề thể chế hóa đầy đủ hơn các định hướng mới: về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia				
46.	Thông tư 15/2009/TT-BKHHCN ngày 02/6/2009 Hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký việc sử dụng phụ gia không thông dụng để sản xuất, chế biến, pha chế xăng, nhiên liệu điêzen.	Tình hình thực tiễn	Hầu hết phụ gia xăng dầu đều có nguồn gốc nước ngoài, là các sản phẩm, hàng hóa quốc tế đã được các nước có công nghệ tiên tiến như G7 công nhận và chấp thuận cho lưu thông, sử dụng. Do đó, việc Việt Nam quy định phải đăng ký để được công nhận lại khi sử dụng phụ gia tại Việt Nam sẽ gây kéo dài thời gian đưa phụ gia vào sử dụng, chậm đưa những thành tựu tiên bộ của thế giới vào áp dụng tại nước ta. Theo thông lệ các nước tiên tiến, cơ quan quản lý nhà nước cấp phép đối với từng phụ gia cụ thể của đơn vị sản xuất phụ gia; khi phụ gia đã được cấp phép thì các đơn vị sử dụng phụ gia được quyền mua và sử dụng mà không phải xin cấp phép lại. Như vậy, đối tượng phải xin cấp phép phụ gia là đơn vị sản xuất phụ gia chứ không phải là đơn vị sử dụng phụ gia.	Thông tư thay thế	Năm 2026	Tiêu chí 5	
47.	Thông tư số 20/2012/TT-BKHHCN ngày	Nghị định số 89/2021/N	Để được cấp Giấy chứng nhận Phòng thí nghiệm nghiên cứu về sinh vật biến đổi gen, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2012/TT-BKHHCN quy định các cán bộ khoa học và kỹ	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	20/11/2012 hướng dẫn chi tiết điều kiện, trình tự và thủ tục công nhận Phòng thí nghiệm nghiên cứu về sinh vật biến đổi gen	Đ-CP	<p>thuật viên Phòng thí nghiệm phải có Chứng chỉ về tập huấn an toàn sinh học do cơ quan được Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền cấp.</p> <p>Tuy nhiên, theo Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 không có quy định về các lớp tập huấn, chỉ có cấp chứng chỉ đối với các chương trình bồi dưỡng. Vì vậy, các cán bộ không được tập huấn.</p> <p>Hiện nay đang có rất nhiều các đơn vị nghiên cứu, viện, trường, trung tâm là những đơn vị thuộc đối tượng viên chức đang có nhu cầu cấp mới và cấp lại Giấy chứng nhận Phòng GMO thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên do không thể mở các lớp Bồi dưỡng để cấp chứng chỉ về an toàn sinh học theo quy định nên không triển khai các thủ tục Giấy chứng nhận Phòng GMO, trong đó có các đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 và Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường 3, là đơn vị trực thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Viện sinh học, Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam; Viện nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ... dẫn đến ảnh hưởng các hoạt động nghiên cứu, dịch vụ phân tích của các đơn vị và gây nguy cơ rủi ro, mất an toàn sinh học đối với các sinh vật, mẫu vật biến đổi gen trên lãnh thổ Việt Nam</p>				
48.	Thông tư số 21/2012/TT-BKHCN ngày 20/11/2012 quy định về an toàn sinh học trong hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen	Nghị định số 89/2021/NĐ-CP		Văn bản sửa đổi, bổ sung			

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
49.	Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường	Tình hình thực tiễn	Theo phản ánh của một số cơ quan, tại Thông tư có nhiều nội dung chưa rõ, trong quá trình thực hiện phải hướng dẫn bằng văn bản hành chính (ví dụ như văn bản số 1402/TĐC-HCHQ ngày 31/7/2014 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), gây khó khăn cho các tổ chức sản xuất kinh doanh khi thực hiện chấp hành.	Thông tư thay thế	Năm 2026	Tiêu chí 5	
		Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu tổ chức hành chính đã thay đổi; - Không còn được quy định về lĩnh vực thanh tra; - Chính phủ giao bổ sung nhiệm vụ về kiểm tra, quản lý đo lường, chất lượng của vàng miếng, vàng nguyên liệu; - Một số quy định về quản lý đo lường đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2026/NĐ-CP. - Vương mắc về ghi nhãn hàng hóa, kiểm tra chất lượng đối với vàng trang sức mỹ nghệ; - TTHC trùng lặp với TTHC quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP 	Thông tư thay thế	Năm 2026	Tiêu chí 2	
50.	Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-	Thông tư số 01/2018/VP-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ	Điều 7 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN quy định thẩm quyền phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính là Thủ trưởng cơ quan, không thống nhất với thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 01/2018/VP-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ (UBND cấp tỉnh phê duyệt)	Thông tư thay thế	Theo kế hoạch xử lý Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước						
51.	Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu và trình tự, thủ tục đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu tại Việt Nam: Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 10, Điều	Tình hình thực tiễn	<p>- Tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15 quy định: “Có sẵn các ca đong, bình đong có dung tích 1 L, 2 L, 5 L, 10 L và các ống đong chia độ có phạm vi đo phù hợp và chỉ yêu cầu kiểm định ban đầu” Tuy nhiên, trên thực tế khi thanh tra, kiểm tra thì các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thường xuyên sử dụng các ca đong, bình đong này để bán lẻ dầu nhớt từ phi 200 lít thì đây là hoạt động giao nhận mua bán có sử dụng phương tiện đo nhóm 2 nên cần thực hiện duy trì hình thức kiểm định định kỳ theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN;</p> <p>- - Tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15 quy định: “Sai số kết quả đo lường xăng dầu không được vượt quá 1,5 lần giới hạn dương của sai số cho phép của phương tiện đo được sử dụng để bán xăng dầu. Kết quả đo lường xăng dầu</p>	Văn bản thay thế	2026	Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	13, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và các quy định liên quan.		<p>được xác định tại điều kiện đo thực tế”. Sai số cho phép của cột đo xăng dầu là $\pm 0,5\%$; 1,5 lần giới hạn dương của sai số là $+0,75\%$. Nếu trong trường hợp cột đo xăng dầu vượt quá sai số cho phép (là $+0,5\%$) nhưng thấp hơn $+0,75\%$, thì vẫn chưa vi phạm, nhưng đã gây ra thiệt hại cho người tiêu dùng. Trong trường hợp này, các lực lượng thực thi cũng không thể yêu cầu thực hiện kiểm định lại phương tiện đo, cho dù phương tiện đo đó đang không đảm bảo sai số cho phép.</p> <p>- Theo quy định tại khoản 1 các Điều 18, 19, 20 của Thông tư số 15 có yêu cầu áp dụng TCVN ISO 9001: 2008 hoặc ISO/TS 29001: 2010. Trong khi đó, các tiêu chuẩn này đã được thay thế bởi (TCVN ISO 9001: 2015; 29001: 2020) gây khó khăn cho doanh nghiệp và không thống nhất với thực tiễn quản lý hiện nay.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15 quy định: “Việc lấy mẫu xăng dầu được thực hiện theo văn bản kỹ thuật hướng dẫn thực hiện lấy mẫu xăng dầu hiện hành do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành”. Văn bản kỹ thuật hướng dẫn thực hiện lấy mẫu xăng dầu hiện hành do Tổng cục TCDLCL ban hành là Quyết định số 457/QĐ-TĐC ngày 06/04/2016. Tại điểm c mục 3.5.3 Quyết định số 457/QĐ-TĐC quy định thời gian vận chuyển mẫu xăng dầu (đến phòng thử nghiệm) trong thanh tra, kiểm tra chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường đối với từng đợt lấy mẫu là không quá 05 (năm) ngày làm việc. Quy định này đã thực sự gây khó khăn cho các đoàn thanh, kiểm tra tại các địa phương có địa bàn rộng, đi lại khó khăn, cách xa các phòng thử nghiệm được chỉ định. Bên cạnh đó, tại</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>mục 3.4.1 hướng dẫn: “Số mẫu cần lấy cho thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm là 01 mẫu và được chia thành 02 đơn vị mẫu. Một đơn vị mẫu để gửi đi thử nghiệm và một đơn vị mẫu được lưu giữ tại cơ quan thanh tra, kiểm tra”. Trong khi đó, tại Điều 8 Thông tư số 01/2024/TT-BKHHCN ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường lại không quy định cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền lưu giữ đơn vị mẫu, và số lượng đơn vị mẫu cũng không được chia thành 02. Như vậy có sự không thống nhất về quy định cách lấy mẫu tại các Thông tư do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.</p> <p>+ Một số quy định về quản lý nhà nước và thanh tra, kiểm tra không còn phù hợp trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập cơ quan, đơn vị hành chính và sáp nhập tỉnh.</p> <p>+ Yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đo lường. Hiện nay, các trụ bơm xăng dầu thông minh đã tích hợp phần mềm quản lý, kết nối truyền dữ liệu hóa đơn điện tử. Việc can thiệp vào phần mềm để gian lận tinh vi hơn, khó phát hiện bằng các phương pháp kiểm tra truyền thống.</p> <p>+ Việc sử dụng các thiết bị đo mức bồn tự động thay thế cho thước đo thủ công chưa có quy định chi tiết về quy trình kiểm định, hiệu chuẩn thống nhất trong các thông tư này, gây lúng túng khi xác định sai số trong quản lý hao hụt.</p> <p>+ Thực tế trong những năm gần đây, xuất hiện nhiều điểm kinh doanh xăng dầu sử dụng thiết bị bán xăng dầu quy</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>mô nhỏ. Tuy nhiên, thương nhân là chủ sở hữu thiết bị, chịu trách nhiệm về đo lường, chất lượng xăng dầu không đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.</p> <p>+ Phát sinh khiếu nại trong quy đổi kết quả đo: Việc quy đổi kết quả đo lường xăng dầu về điều kiện cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15 được áp dụng trong hoạt động mua bán, thanh toán giữa các tổ chức, cá nhân.</p> <p>Tuy nhiên, trong thực tiễn, khi các thương nhân tiếp tục mua bán, trao đổi theo hợp đồng thương mại, việc áp dụng quy định này đôi khi chưa thống nhất, dẫn đến phát sinh khiếu nại, tranh chấp.</p> <p>+ Việc xóa bỏ Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ trong bối cảnh các quy định tại Thông tư số 15 và Thông tư số 08 vẫn chưa được sửa đổi kịp thời đã tạo ra một khoảng trống pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về xăng dầu tại địa phương.</p> <p>+ Sự thay đổi về địa giới hành chính và tổ chức bộ máy sau sáp nhập đòi hỏi việc thống nhất lại các quy trình và hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.</p> <p>+ Nhu cầu tăng cường kết nối dữ liệu trong quản lý chất lượng xăng dầu.</p>				
52.	Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN quy	Nghị định số 22/2026/N	- Thông tư chưa có điều khoản quy định về kinh phí cho hoạt động TBT. Nghị định số 22/2026/NĐ-CP đã xác định	Thông tư thay thế	Năm 2027	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	định hoạt động, phối hợp trong Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	Đ-CP	<p>trách nhiệm bảo đảm nguồn lực tài chính cho Điểm TBT quốc gia, cấp Bộ và địa phương; đồng thời quy định nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động TBT, bao gồm chi xây dựng, vận hành hạ tầng thông báo - hỏi đáp, chi phân tích quan ngại thương mại cụ thể, chi bảo đảm hoạt động các Điểm TBT. Thông tư số 23/2026/TT-BKHHCN là cơ sở xác định cơ chế tài chính tương ứng cho hoạt động TBT.</p> <p>Điểm TBT Quốc gia chưa cập nhật thông tin thành Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.</p> <p>- Các biểu mẫu thông báo chưa cập nhật theo hướng dẫn mới nhất từ Ủy ban WTO/TBT.</p> <p>- Quy định về số hóa quy trình nghiệp vụ TBT, vận hành Cơ sở dữ liệu TBT quốc gia và kết nối với các hệ thống thông tin liên quan. Nghị định số 22/2026/NĐ-CP yêu cầu xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về TCĐLCL, kết nối với Cổng thông tin TBT Việt Nam.</p>				
53.	Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-	Tình hình thực tiễn	<p>- Tại Điều 4:</p> <p>(1) Sửa đổi chu kỳ kiểm định là 12 tháng. Công tơ Điện: Theo chu kỳ kiểm định của công tơ điện 1 pha cảm ứng là 60 tháng, công tơ xoay chiều 1 pha kiểu điện tử là 48 tháng, công tơ xoay chiều 1 pha kiểu điện tử là 72 tháng, công tơ xoay chiều 3 pha kiểu điện tử là 36 tháng. Qua quá trình áp dụng văn bản vào thực tế thấy thời hạn kiểm định của công tơ 3 pha kiểu cảm ứng và công tơ 1 pha kiểu điện tử là quá dài dẫn đến không đảm bảo về sai số đo lường;</p> <p>(2) Sửa đổi chu kỳ kiểm định của công tơ 3 pha kiểu cảm ứng là 30 tháng, chu kỳ kiểm định của công tơ 1 pha kiểu điện tử là 60 tháng</p>	Thông tư thay thế	Sau khi Luật Đo lường được Quốc hội ban hành	Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2		- Bổ sung quy định về kiểm định các phương tiện: Phương tiện đo khoảng cách, Phương tiện đo độ sâu đáy nước, Phương tiện đo độ sâu công trình ngầm, Phương tiện đo kính vĩ.				
54.	Thông tư số 24/2023/TT-BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tình hình thực tiễn	Điểm đ khoản 4 Điều 6 quy định trách nhiệm quản lý của Bộ tối đa 05 ngày gửi mẫu, trong khi lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (trừ hàng hóa là xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học; khí dầu mỏ hóa lỏng; hàng hóa có tính chất bị ảnh hưởng theo thời gian) không bị ảnh hưởng chất lượng do thời gian và còn trong thời hạn sử dụng nên việc quy định thời gian tối đa 05 ngày làm việc phải gửi mẫu đến tổ chức thử nghiệm sẽ gây khó khăn và tốn chi phí cho công tác kiểm tra vì phải mang mẫu đi thử nghiệm nhiều lần trong 01 đợt kiểm tra.	Thông tư sửa đổi, bổ sung	Năm 2026	Tiêu chí 5	

IV. LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
55.	Luật Tần số vô tuyến điện	Cải cách TTHC	<p>Chưa điều chỉnh theo phương án phân cấp tại các Điều 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (được sửa đổi, bổ sung bởi các Điều 45, 46, 47, 48, 49, 50 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)</p> <p>- Luật chưa có cơ chế cho phép sử dụng chung băng tần đã cấp cho doanh nghiệp (MOCN), cần xem xét, bổ sung vào Luật cơ chế này nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng tần số nhưng vẫn bảo đảm tính cạnh tranh của thị trường</p>	Luật sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 4	
		Cải cách TTHC	<p>- Một số điểm, khoản trong các điều 18a, 19, 20, 20a, 21, 22, 23, 24 quy định các điều kiện không cần thiết liên quan đến việc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, đã được quy định tại các nội dung khác của luật này (các điều 17, 28, 29, 30, 32) hoặc phải tuân thủ theo pháp luật khác có liên quan. Các điều kiện này cần bãi bỏ để đáp ứng yêu cầu về đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo chủ trương chung của Đảng, Nhà nước.</p> <p>- Một số điểm, khoản trong các điều 5, 32 quy định quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên đối với khai thác viên vô tuyến điện thuộc các nghiệp vụ di động hàng không, di động hàng hải, vô tuyến điện nghiệp dư chưa thực sự phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân quyền quản lý phù hợp với từng Bộ ngành.</p>	Luật sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
56.	Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện (đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, 229/2025/NĐ-CP, 15/2026/NĐ-CP)	Cải cách TTHC	- Cần cắt giảm một số thành phần hồ sơ của các TTHC trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện (để đồng bộ với việc cắt giảm điều kiện cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Luật Tần số vô tuyến điện).	Nghị định thay thế	2026	Tiêu chí 4	
		Cải cách TTHC, Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 7/4/2026 của Chính phủ	- Tại Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 7/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan tới lĩnh vực tần số vô tuyến điện được quy định tại Nghị định 63/2023/NĐ-CP (cụ thể tại Mục 1 Phụ lục I.4 của Nghị quyết). Đồng thời, Nghị định 63/2023/NĐ-CP thuộc Danh mục văn bản được đề xuất sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ (Phụ lục II Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP) - Theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa Thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, đã thực hiện cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới lĩnh vực tần số vô tuyến điện được quy định tại Nghị định 63/2023/NĐ-CP (cụ thể tại Mục 2 Phụ lục I.3 của Nghị quyết). - Tại Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/1/2026 của Chính phủ đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới lĩnh vực tần số vô tuyến điện tại Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và Nghị định 133/2025/NĐ-CP. - Khắc phục một số vướng mắc trước đây về xác định mức		2027	Tiêu chí 2, 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>thu cơ sở, giá khởi điểm, xử lý tình huống đấu một người, cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm gánh nặng tài chính để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp (điều chỉnh thu tiền trúng đấu giá từ 3 lần trong 5 năm thành thu tiền hằng năm). - Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung cắt giảm điều kiện cấp phép và ngành nghề kinh doanh: Điều 1, 15, 19, 26, 28, 33, 34, 35, và bãi bỏ các Điều từ 57-85. - Sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP và Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP về cắt giảm thời gian, phân cấp và sửa đổi quy định: Điều 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 41. - Xem xét sửa đổi, bổ sung các nội dung khác liên quan tới tiền cấp quyền: Điều 17, 49, 53. 				
57.	Thông tư số 10/2013/TTLL-BTTTT-BQP-BCA về phối hợp hướng dẫn cơ chế phối hợp xử lý nhiễu có hại giữa các đài vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và mục đích kinh tế - xã hội.	Tình hình thực tiễn	Mới chỉ quy định việc phối hợp xử lý nhiễu sau khi nhiễu đã xảy ra. (1) Chưa quy định việc phòng ngừa nhiễu, nhằm ngăn chặn nhiễu từ sớm; (2) trình tự thủ tục và thời gian xử lý chưa đáp ứng được đối với trường hợp xảy ra nhiễu tại các sự kiện của đất nước, khi mà cần phải xử lý nhiễu ngay và phối hợp trực tiếp qua các cán bộ đầu mối ngoài thực địa; (3) Hình thức văn bản không còn phù hợp theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025.	Văn bản thay thế	2026	Tiêu chí 5	
58.	Thông tư	Luật	Thông tư số 02/2016/TT-BTTTT sau gần 10 năm thực hiện,	Thông tư thay	2026	Tiêu chí	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	02/2016/TT-BTTTT quy định kiểm tra tần số vô tuyến điện	Thanh tra năm 2022	<p>hệ thống pháp luật về thanh tra, kiểm tra đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, với yêu cầu đổi mới phương thức kiểm tra theo hướng tinh gọn, không chồng chéo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý dựa trên dữ liệu, rủi ro. Đồng thời, chức năng quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện hiện do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện, đòi hỏi phải rà soát, sửa đổi Thông tư cho phù hợp với mô hình tổ chức và thực tiễn quản lý mới, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật.</p> <p>Nội dung về thể chế hóa đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành; chuẩn hóa quy trình, phương thức kiểm tra theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng dữ liệu liên ngành, công nghệ số trong phát hiện, giám sát và xử lý vi phạm; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện trong bối cảnh mới bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành, đặc biệt là Luật Tần số vô tuyến điện 2022, Luật Thanh tra 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.</p>	thế		2	
59.	Thông tư 37/2017/TT-BTTTT ngày 07/12/2017 về quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM	Tình hình thực tiễn	Nội dung quy định về tần số theo địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Phụ lục II và III không còn phù hợp với địa bàn tỉnh, thành phố sau sắp xếp lại các Tỉnh theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ngày 12/06/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.	Thông tư thay thế	2026	Tiêu chí 5	
60.	Thông tư số 19/2019/TT-	Tình hình thực tiễn	Thông tư số 19/2019/TT-BTTTT phân chia băng tần 700 MHz gồm 03 khối B1-B1' (703-713 MHz và 758-768	Thông tư sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 2, 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	BTTTT ngày 25/12/2019 Quy hoạch băng tần 694-806 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam		MHz), B2-B2' (713-723 MHz và 768-778 MHz), B3-B3' (723-733 MHz và 778-788 MHz). Trong đó, khối B1-B1' và khối B2-B2' đã được cấp cho Viettel và VNPT thông qua đấu giá trong năm 2025. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định phân bổ khối băng tần B3-B3' (723-733 MHz và 778-788 MHz) thuộc băng tần 700 MHz cho mục đích dùng riêng, không dành cho triển khai mạng IMT công cộng				
61.	Thông tư số 18/2020/TT-BTTTT ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy hoạch băng tần 2300-2400 MHz và băng tần 2500-2690 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam	Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg	Nội dung quy định về băng tần dành cho IMT tại khoản 2 Điều 2 không phù hợp với quy định tại VTN9 Quy hoạch phổ tần số VTĐ quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg ngày 03/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	
62.	Thông tư số 29/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 về quy hoạch băng tần 2300- 2400 MHz cho hệ	Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg	Nội dung quy định về băng tần dành cho IMT tại Điều 2 không phù hợp với quy định tại VTN9 Quy hoạch phổ tần số VTĐ quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg ngày 03/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Thông tư 29/2021/TT-BTTTT phân chia băng tần 2300 MHz (100 MHz) thành 03 khối băng tần A1 (2300-2330	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thống thông tin di động IMT của Việt Nam		MHz), A2 (2330-2360 MHz), A3 (2360-2390 MHz) dành cho hệ thống IMT, 10 MHz (2390-2400 MHz) làm băng tần bảo vệ. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định điều chỉnh phân bổ đoạn băng tần 2350-2400 MHz cho mục đích khác. Đồng thời, Quy hoạch phổ TSVTĐ quốc gia đã được sửa đổi, không còn quy định đoạn băng tần này dành cho IMT. Do vậy, nội dung quy hoạch tại Thông tư 29/2021/TT-BTTTT không còn phù hợp với Quy hoạch phổ TSVTĐ quốc gia, và Quyết định phân bổ băng tần của Thủ tướng Chính phủ.				
63.	Thông tư số 12/2023/TT-BTTTT ngày 10/10/2023 Quy hoạch băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam	Tình hình thực tiễn	Hiện nay Nhà nước có chủ trương cấu trúc lại nhiều doanh nghiệp, có thể có các trường hợp sáp nhập, hợp nhất dẫn đến việc giảm số doanh nghiệp tham gia thị trường. Khi đó, với hiện trạng đã cấp và quy định giới hạn tối đa lượng băng tần mà doanh nghiệp được cấp phép hiện hành trong băng tần 1800 MHz, 2100 MHz, doanh nghiệp còn lại trong băng tần 2100 MHz hoặc 1800 MHz không tiếp cận được với phổ tần mà doanh nghiệp khác để lại. Như vậy, quy định về mức CAP trong quy hoạch băng tần 2100 MHz theo Thông tư 12/2023/TT-BTTTT không phù hợp trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất làm giảm doanh nghiệp tham gia thị trường.	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	
V. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ							
64.	Bộ luật Hình sự	Luật Năng lượng nguyên tử	Điều 309 và 310 Bộ luật Hình sự quy định: - Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân.	Đang đề xuất trong quá trình tham gia sửa Bộ luật Hình	Theo tiến độ triển khai sửa	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		năm 2025	<p>- Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân Trong khi đó theo quy định tại:</p> <p>- Khoản 37 Điều 4 của Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025: “Vật liệu phóng xạ là chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, chất thải phóng xạ.”</p> <p>- Điều 14 Luật Năng lượng nguyên tử 2025 quy định Đóng gói, vận chuyển vật liệu phóng xạ; vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam là công việc bức xạ.</p> <p>Nghị định số 332/2025/NĐ- CP quy định về điều kiện, trình tự, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép đóng gói, vận chuyển nguồn phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; vận chuyển quá cảnh nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân.</p> <p>Như vậy, Điều 309 và Điều 310 của Bộ Luật hình sự:</p> <p>- Chưa quy định đầy đủ nội hàm cho các tội có liên quan đến: vật liệu hạt nhân nguồn, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng.</p> <p>- Chưa thống nhất về thuật ngữ “vật liệu phóng xạ” như Luật Năng lượng nguyên tử 2025;</p> <p>- Chưa đồng bộ về cách thức quản lý đối với “vật liệu phóng xạ” (Pháp luật về Năng lượng nguyên tử quy định về điều kiện cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với vật liệu phóng xạ là như nhau).</p> <p>(kết quả rà soát giai đoạn 2020-2025)</p>	sự	đổi Bộ luật Hình sự của (Bộ Công an đang xây dựng chính sách)		
		Luật Năng lượng	Tại các Điều 36, 61, 79, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định về cấp các loại giấy phép thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản.				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		nguyên tử năm 2025	Mặc dù có quy định về điều kiện để được cấp các loại giấy phép đối với trường hợp là quặng phóng xạ là: “Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử “. Nhưng trong phần quy định về thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép lại không yêu cầu tài liệu để minh chứng cho điều kiện đó được đảm bảo như quy định tại Điều 26 của Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025.				
65.	Nghị định số 332/2025/ND-CP	Cải cách thủ tục hành chính Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Sửa đổi để đơn giản hóa TTHC: <ul style="list-style-type: none"> - Điều 26 - Điều 40 - Khoản 1, khoản 2 Điều 49 - Khoản 4 Điều 50 - Khoản 1 và khoản 2 Điều 53 - Khoản 1 Điều 55 - Khoản 1 Điều 58 - Khoản 1, 2 Điều 61 - Khoản 1 và khoản 2 Điều 62 - Khoản 1 Điều 78 - Phụ lục VII, Phụ lục VIII về Mẫu Phiếu khai báo và Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. 	01 Nghị định sửa nhiều Nghị định	2026	Tiêu chí 4	
		Tình hình thực tiễn	Các quy định này vướng mắc khi triển khai trong thực tế <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c Khoản 2 Điều 54 - Điểm a Khoản 2 Điều 85 - Điểm b Khoản 3 Điều 85 	01 Nghị định sửa nhiều Nghị định	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tình hình thực tiễn	Phụ lục III về Biện pháp bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ chưa quy định đầy đủ cho nguồn phóng xạ nhóm 4, nhóm 5 tương ứng với mức an ninh D	01 Nghị định sửa nhiều Nghị định	2026	Tiêu chí 2	
VI. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ CAO							
66.	Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 Quy định về khu công nghệ cao	Luật Công nghệ cao năm 2025	Một số quy định chưa phù hợp với các nội dung mới được quy định phù hợp với Luật Công nghệ cao năm 2025 Một số quy định giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn, tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay không còn Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, chức năng đã chuyển sang Bộ khác	Nghị định thay thế	2026	Tiêu chí 2	
VII. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG							
67.	Luật Viễn thông	Cải cách TTHC, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/04/2026 v	Cần bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 48 về điều kiện hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP	Luật sửa đổi, bổ sung	Năm 2026	Tiêu chí 1, 4	
		Cải cách TTHC	Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 08/4/2026 nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính, trong đó có nội dung cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông, cụ thể điều chỉnh điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tại Điều 36 và Điều 37 Luật Viễn thông. Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027. Do đó, cần phải rà soát các quy định tại Điều 36 và Điều 37 để thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.			Tiêu chí 4	
		Đáp ứng tình hình	Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15/12/2025 quy định về sử dụng chung công trình hạ			Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		thực tiễn	tăng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nghị quyết quy định một số cơ chế đặc thù cho phép thực hiện thỏa thuận chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và cơ quan, tổ chức trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 28/02/2027, do đó cần rà soát quy định tại Điều 47 Luật Viễn thông để hoàn thiện hành lang pháp lý khắc phục những quy định chưa đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để Chính phủ thể chế hóa theo thẩm quyền các nội dung về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP.				
		Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Khoản 4 Điều 6 quy định trách nhiệm doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trừ một số trường hợp, trong đó bao gồm trường hợp người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện nay (khoản 1 Điều 19) còn cho phép một số trường hợp khác được xử lý dữ liệu cá nhân (bao gồm việc cung cấp) mà không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân.			Tiêu chí 2	
		Luật Phòng thủ dân sự, Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2029	Khoản 1 Điều 25 quy định dịch vụ viễn thông khẩn cấp bao gồm dịch vụ gọi đến các số khẩn cấp của cơ quan công an, cứu hỏa, cấp cứu. Hiện nay Luật Phòng thủ dân sự, Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2029 và Quyết định số 2023/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 đã quy định thêm việc sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa. Do đó cần bổ sung số 112 vào các			Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		và Quyết định số 2023/QĐ-TTg ngày 15/9/2025	số dịch vụ khẩn cấp.				
		Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Khoản 1 Điều 55, điểm c khoản 6 Điều 55 quy định việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy các thiết bị thuộc danh mục thiết bị viễn thông có khả năng gây mất an toàn. Tuy nhiên, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không còn khái niệm Danh mục thiết bị viễn thông có khả năng gây mất an toàn, thay vào đó là Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao.			Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
68.	Nghị định 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng	Tình hình thực tiễn	Chưa có quy định riêng đối với doanh nghiệp cung cấp VPN, VPS, Proxy, CDN, dịch vụ truy nhập ẩn danh. Đây là các hoạt động hạ tầng trung gian có khả năng che giấu danh tính người sử dụng, vị trí máy chủ, trung chuyển và phân tán lưu lượng truy cập. Thực tiễn cho thấy các Bộ Khoa học và Công nghệ dịch vụ này đang phát triển nhanh tại Việt Nam nhưng chưa có cơ chế quản lý tương xứng, tiềm ẩn nguy cơ bị các đối tượng lợi dụng để thực hiện hoạt động lừa đảo, cờ bạc trực tuyến, phát tán thông tin xấu độc, vi phạm bản quyền, tấn công mạng và né tránh các biện pháp quản lý, gây ảnh hưởng đến an ninh mạng, an ninh dữ liệu và công tác thực thi pháp luật trên không gian mạng. Cần bổ sung cơ chế đăng ký, thông báo hoạt động hoặc đặt đầu mối pháp lý tại Việt Nam đối với nhà cung cấp VPN, Proxy, CDN xuyên biên giới có người dùng tại Việt Nam.	Nghị định sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Bộ Công an
		Cải cách TTHC, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Cần thực thi việc phân cấp, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP theo quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung	Theo kế hoạch chung của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Tiêu chí 5	
69.	Nghị định số 163/2024/NĐ-	Tình hình thực tiễn,	Theo quy định tại Điều 31, điều kiện triển khai mạng viễn thông cố định mặt đất được căn cứ theo phạm vi thiết lập	Nghị định sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2, 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CP ngày 24/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông	Luật Quy hoạch, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2025)	<p>mạng (thiết lập mạng trong phạm vi 01 tỉnh một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thiết lập mạng trong phạm vi khu vực: từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc: trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Do đó, khi triển khai phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (quy mô tỉnh, số lượng tỉnh) thì cần rà soát, điều chỉnh lại quy định về điều kiện triển khai mạng viễn thông cố định mặt đất tại Điều 31 cho phù hợp)</p> <p>Nghị định đang quy định việc lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương (cấp tỉnh), nội dung quy hoạch thực hiện đến cấp huyện. Do đó, khi thực hiện không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp thì cần sửa đổi Nghị định. Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/3/2026 đã sửa đổi, bổ sung Luật Viễn thông trong đó đã thay thế “quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động” bằng cụm từ “phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quy hoạch tỉnh”.</p> <p>Thực tiễn có trường hợp doanh nghiệp đề nghị được gia hạn thời gian cho tàu vào lắp đặt, sửa chữa tuyến cáp viễn thông trên biển nhưng Nghị định 163/2024/NĐ-CP chưa có quy định cho vấn đề này. Do đó, đề xuất bổ sung thêm quy định gia hạn thời gian cho tàu vào lắp đặt, sửa chữa tuyến cáp viễn thông trên biển.</p> <p>Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không còn khái niệm Danh mục thiết bị viễn thông có khả năng gây mất an toàn, thay vào đó là Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			cao.				
70.	Nghị định số 115/2025/NĐ-CP	Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 48	Chưa đồng bộ với các quy định phân cấp về địa phương, quy định gián hóa, cắt giảm TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, Nghị định 15/2026/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	
71.	Nghị định 174/2026/NĐCP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, giao dịch điện tử và công nghệ thông tin	Tình hình thực tiễn	Chưa có chế tài riêng đối với việc các doanh nghiệp cung cấp VPN, Proxy, CDN không phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xử lý thông tin vi phạm, xác minh thông tin, khó áp dụng chế tài khi doanh nghiệp không có hiện diện tại Việt Nam. Vì vậy, cần bổ sung hành vi vi phạm và chế tài tương ứng trong nghị định xử phạt chuyên ngành.	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Bộ Công an
72.	Quyết định số 55/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011	Tình hình thực tiễn	Quyết định số 55/2011/QĐ-TTg ban hành từ năm 2011 đến nay đã được 15 năm. Trong thời gian này, thị trường viễn thông nói chung và tình hình hoạt động của các doanh nghiệp viễn thông nói riêng đã có nhiều biến động, vị thế của nhiều doanh nghiệp cũng đã có sự thay đổi. Nhiều doanh nghiệp viễn thông đã có sự tăng giảm mạnh về thị phần, thậm chí có một số doanh nghiệp lớn đã phải rút lui khỏi thị trường viễn thông	Nghị định sửa đổi, bổ sung	2027-2028	Tiêu chí 5	
73.	Quyết định số 45/2012/QĐ-TTg ngày 23/10/2012	Tình hình thực tiễn	Các thuật ngữ tại Điều 1 chưa cập nhật và phù hợp với hiện trạng phát triển lĩnh vực viễn thông hiện nay	Nghị định sửa đổi, bổ sung	2028	Tiêu chí 5	
74.	Thông tư số	Luật Viễn	Cập nhật, bổ sung các loại hình dịch vụ viễn thông mới phù	Thay thế	2028	Tiêu chí	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	05/2012/TT-BTTTT	thông	<p>hợp với xu thế phát triển của công nghệ, dịch vụ viễn thông</p> <p>Điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Viễn thông quy định Bộ KH&CN chủ trì ban hành quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy định về phương pháp định giá dịch vụ viễn thông</p>			2	
75.	Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT	Luật Viễn thông năm 2023	Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung nhiều lần (Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT, Thông tư số 21/2026TT-KHCN). Bên cạnh đó, Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT được ban hành trước thời điểm Luật Viễn thông năm 2023 có hiệu lực, do đó cần được rà soát, cập nhật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với yêu cầu phát triển hạ tầng số.	Thay thế	2026	Tiêu chí 2	
76.	Thông tư số 13/2014/TT-BTTTT	Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15	Điều 4 quy định giá cước kết nối dịch vụ điện thoại quốc tế chiều về. Giá cước kết nối này không chịu thuế giá trị gia tăng, chưa cập nhật so với quy định của Luật thuế GTGT năm 2025.	Sửa đổi, bổ sung	2027	Tiêu chí 2	
77.	Thông tư 22/2014/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2021/TT-BTTTT	Tình hình thực tiễn	Khi thực hiện việc sáp nhập tỉnh, thành phố thì cần điều chỉnh quy định về vùng đánh số (mã vùng điện thoại cố định) trong quy hoạch kho số viễn thông cho phù hợp	Thay thế hình thức văn bản thành Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Tiêu chí 2	
78.	Thông tư số 07/2024.TT-BTTTT	Tình hình thực tiễn	Khoản 2, Điều 7 - Phương pháp chi quy định sản lượng tính giá được xác định dựa trên "công suất thiết kế của công trình và công suất sử dụng thực tế phù hợp với tình hình thị trường". Hạ tầng viễn thông thụ động (như bể cáp, hào kỹ thuật, cột anten) thường được xây dựng đón đầu	Rà soát sửa đổi, bổ sung	2027	Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			quy hoạch, công suất thiết kế rất lớn nhưng tỷ lệ lấp đầy (sử dụng thực tế) thời gian đầu rất thấp. Nếu chia cho sản lượng thực tế thấp thì giá thuê sẽ bị đẩy lên cao. Nếu chia cho công suất thiết kế tối đa, doanh nghiệp không thu hồi được chi phí trong những năm đầu chưa có khách hàng. Việc thiếu hướng dẫn tỷ lệ phân bổ cụ thể giữa công suất thiết kế và thực tế sẽ gây tranh chấp khi xác định giá.				
79.	Thông tư số 13/2025/TT-BKHHCN	Cải cách TTHC	Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP quy định việc phân cấp thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông. Các văn bản này sẽ hết hiệu lực từ 01/3/2027 do đó, cần sửa đổi bổ sung Thông tư số 13/2025/TT-BKHHCN để tiếp tục thực hiện việc phân cấp cho địa phương	Thay thế	2026	Tiêu chí 4	
80.	Thông tư số 21/2025/TT-BKHHCN ngày 06/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt	Luật Quy hoạch 2025	Thông tư số 21/2025/TT-BKHHCN ngày 06/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch Luật Quy hoạch 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/3/2026) đã sửa đổi ghép "quy hoạch kho số viễn thông" và "quy hoạch tài nguyên Internet" thành "quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet".	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	quy hoạch Luật Quy hoạch 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/3/2026) đã sửa đổi ghép "quy hoạch kho số viễn thông" và "quy hoạch tài nguyên Internet" thành "quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet".						
81.	Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT	Tình hình thực tiễn, Nghị định 368/2025/NĐ-CP	<p>Chính phủ đã ban hành Nghị định 368/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Theo Nghị định 368, định nghĩa về tài khoản, dịch vụ và các nghiệp vụ mà Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được làm đã được mở rộng và một số nghiệp vụ (được quy định trong báo cáo theo Thông tư 47/2025/TT-BKHCN) không còn triển khai.</p> <p>Hiện nay, các doanh nghiệp viễn thông thực hiện chế độ báo cáo định kỳ các chỉ tiêu viễn thông theo quy định của Thông tư 45/2025/TT-BKHCN và Thông tư 47/2025/TT-BKHCN, trong đó các Thông tư có chu kỳ báo cáo khác nhau gây khó khăn cho việc thực hiện báo cáo của doanh nghiệp</p>	Rà soát sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	
		Nghị định 09/2019/NĐ-CP	Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 09/2019/NĐ-CP, thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ được tính đến ngày 14 của tháng cuối kỳ báo cáo. Trong khi đó, tại khoản 5 Điều				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			6 của Thông tư 47, thời hạn gửi báo cáo là trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo. Như vậy, về thực tế, báo cáo phải được hoàn thành và gửi ngay sau khi kết thúc chu kỳ chốt số liệu, không còn khoảng thời gian phù hợp để các đơn vị tổng hợp, kiểm tra, đối soát và hoàn thiện báo cáo.				
82.	Thông tư số 48/2025/TT-BKHCN ngày 25/12/2025 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet	Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/04/2026, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP	Cần đồng bộ theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP đối với các nội dung cắt giảm điều kiện sản xuất, kinh doanh	Thông tư sửa đổi, bổ sung	3/2027	Tiêu chí 1, 2, 4	
83.	Thông tư 01/2026/TT-BKHCN hướng dẫn Nghị định 295/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính	Tình hình thực tiễn	<p>Khoản 6 Điều 11 quy định “kèm theo bản thuyết minh phương án và dự toán thực hiện đặt hàng; các hồ sơ tài liệu liên quan (nếu có). Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm về tính chính xác về nội dung, số liệu báo cáo.” không đồng bộ với các khoản 7 Điều 4, khoản 6 Điều 5, khoản 6 Điều 12.</p> <p>Điểm đ khoản 7 Điều 17 thiếu đối tượng Hỗ trợ thiết bị đầu cuối, không thống nhất với mẫu biểu chi tiết số 05 Phụ lục XI</p> <p>Phụ lục I (Tiêu đề) bao gồm cả phương thức đặt hàng và giao nhiệm vụ</p> <p>Phụ lục X (Mẫu số 01) nơi nhận “Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích” trùng với cột lập biểu</p> <p>Phụ lục XI (Tiêu đề) bao gồm biểu mẫu lập kế hoạch và</p>	Thông tư sửa đổi, bổ sung	2026		

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>dự toán</p> <p>Phụ lục I (Mẫu số 10) trùng nội dung do có 02 mục 6n</p> <p>Phụ lục XI (Biểu 1 Mẫu số 04) không có trích yếu Biểu 02 trong hướng dẫn ghi biểu.</p> <p>Mẫu số 5 thiếu đối tượng “hỗ trợ thiết bị đầu cuối”. Không đảm bảo đầy đủ đối tượng được đề xuất và thống nhất với mẫu biểu chi tiết số 05 Phụ lục XI</p>				
VIII. LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ							
84.	Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Khoản 7 Điều 26 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020	<p>- Nhiều hồ sơ TTHC có nội dung phức tạp, trong khi quy định của pháp luật, quy định về chế độ thông tin, báo cáo CCHC chưa rõ ràng, cụ thể, còn có cách hiểu khác nhau; hồ sơ giải quyết TTHC cần phải lấy ý kiến của nhiều đơn vị, bộ phận có liên quan.</p> <p>- Một số nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến sửa đổi, bổ i một cách tổng thể, đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước, vì sung VBQPPL để thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC cần có thời gian để nghiên cứu, rà soát đối với các nội dung liên quan để thực hiện sửa đốvậy, chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.</p>	Quy định các tiêu chí để thu hút tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP			Thanh tra Chính phủ
85.	Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ		- Quy định về thời hạn, quy trình giải quyết TTHC còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn giải quyết TTHC, chưa quy định giới hạn về thời gian, số lần sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình, hoàn thiện hồ sơ của nhà đầu tư dẫn đến việc cơ quan giải quyết TTHC sang giai đoạn khác thì mới nhận được thông tin sửa đổi, bổ sung nội dung điều chỉnh, hoặc là cơ quan giải quyết TTHC sẽ bị động trong	Sửa đổi, bổ sung theo hướng chuyển từ phương thức tiếp nhận, giải quyết TTHC truyền thống,			Thanh tra Chính phủ

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng		quá trình chờ nhà đầu tư điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	trực tiếp sang trực tuyến và sử dụng dữ liệu số hóa, gắn danh tính số cho hồ sơ, tài liệu lịch sử trong quá trình thực hiện số hóa và tái sử dụng trong giải quyết TTHC; ban hành hướng dẫn về các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số theo quy định			
86.	Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.		<p>1. Quy định chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá khi xác định chi phí trong tổng mức đầu tư dự án: Điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 16 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP.</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, chủ đầu tư phải trực tiếp thu thập báo giá từ các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ (trong trường hợp đơn vị tư vấn chuẩn bị đầu tư đã lấy báo giá) làm phát sinh thủ tục, kéo dài thời gian triển khai dự án. Mặt khác, tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP chưa có quy định hướng dẫn xử lý</p>	Sửa đổi, bổ sung, có quy định chi tiết		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>2. Quy định chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP quy định về hồ sơ quyết định dự án, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định dự án. - Bắt buộc tất cả các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu để lựa chọn đơn vị thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật tất cả các dự án (từ dự án có giá trị nhỏ đến lớn) trước khi thực hiện thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án, kể cả trong trường hợp chủ đầu tư đã thuê đơn vị tư vấn để lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật dẫn đến phát sinh thêm thủ tục, phát sinh chi phí và kéo dài thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư của dự án; - Chưa có quy định/hướng dẫn tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật để phân định rõ năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện 02 hoạt động tư vấn trên (do một tư vấn này thẩm tra lại kết quả của một tư vấn khác), gây khó khăn cho chủ đầu tư khi triển khai thực hiện, nhất là đối với các dự án đầu tư công nghệ thông tin, chuyển đổi số có quy mô, phạm vi, tổng mức đầu tư lớn (dự án nhóm A, gần như chưa có tiền lệ thực hiện).</p> <p>3. Chưa có văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết một số nội dung tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP: Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP quy định về trách nhiệm</p>				

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			của Bộ Khoa học và Công nghệ . Tuy nhiên, đến nay Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP, dẫn đến đơn vị gặp khó khăn trong triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án công nghệ thông tin; lập, thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường,...)				
IX. LĨNH VỰC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ							
87.	Luật Chuyển giao công nghệ	Tình hình thực tiễn, Luật Đầu thầu 2023	Vướng mắc về việc ký kết hợp đồng trước khi phê duyệt dự án đầu tư. Các luật hiện hành không cho phép ký hợp đồng với đối tác nước ngoài khi dự án chưa được phê duyệt. Khó khăn thực tế: Đối với các dự án công nghệ lõi, cao tầng, nếu không đàm phán và ký kết trước, phía Việt Nam không thể tiếp cận thông tin kỹ thuật để nghiên cứu, dẫn đến thiếu dữ liệu cho báo cáo khả thi và gây ách tắc thủ tục đầu tư. Đối với dự án công nghệ cao, chiến lược quốc gia, cho phép đàm phán và ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài trước khi phê duyệt dự án đầu tư để có cơ sở thẩm định.	Văn bản sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Cải cách TTHC	<p>Khoản 2 Điều 41 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình để phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>Tuy nhiên, quy định này chưa thống nhất với chủ trương phân quyền, phân cấp và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với thẩm quyền xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện chương trình. Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đã phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt chương trình này nhưng có thời hạn hiệu lực đến ngày 01/3/2027.</p> <p>Nếu không sửa đổi Luật, sau khi Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hết hiệu lực có thể phát sinh vướng mắc về thẩm quyền, làm kéo dài quy trình phê duyệt và ảnh hưởng đến tính chủ động trong triển khai chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia.</p>			Tiêu chí 4	
		Cải cách TTHC	<p>Khoản 2 Điều 54 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng chương trình, đề án, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.</p> <p>Tuy nhiên, quy định này chưa thống nhất với pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chủ trương phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước. Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đã phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định các chương trình, đề án, chính sách nêu trên nhưng có thời hạn hiệu lực đến ngày 01/3/2027.</p>			Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			Nếu không sửa đổi Luật, sau thời điểm Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hết hiệu lực có thể phát sinh vướng mắc về thẩm quyền quyết định, ảnh hưởng đến tính liên tục, chủ động và hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ.				
		Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết Đại hội, đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; Nghị quyết số 52-NQ/TW	Mục II.1 Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Mục II.1 Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết Đại hội, đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; Mục II.3 Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Điều 55 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 đã quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa làm rõ trách nhiệm định kỳ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Thực tiễn cho thấy đánh giá trình độ, năng lực công nghệ là cơ sở quan trọng để nhận diện hiện trạng công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ, khả năng hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực. Nếu chưa luật hóa trách nhiệm này, việc thu thập dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu, so sánh giữa các ngành, lĩnh vực và phục vụ hoạch định chính sách sẽ thiếu thống nhất. Bên cạnh đó, Điều 55 chưa quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong xây dựng, cập nhật lộ trình công			Tiêu chí 1	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		NQ/TW	<p>nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ đối với ngành, lĩnh vực, sản phẩm, chuỗi giá trị, ngành kinh tế mũi nhọn thuộc phạm vi quản lý. Đây là nội dung cần bổ sung để tạo cơ sở pháp lý cho bộ, ngành xác định công nghệ ưu tiên, nhiệm vụ trọng tâm, nguồn lực và tiến độ đổi mới công nghệ đến năm 2035.</p> <p>Quy định hiện hành chưa làm rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc hàng năm và theo giai đoạn 05 năm tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương xác định hiện trạng công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ, ngành kinh tế mũi nhọn, sản phẩm chủ lực và chính sách hỗ trợ phù hợp. Bên cạnh đó, Điều 56 chưa quy định trách nhiệm xây dựng, cập nhật lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ đối với ngành kinh tế mũi nhọn, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của địa phương. Việc bổ sung nội dung này là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho địa phương lồng ghép lộ trình công nghệ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.</p>				
			<p>Điều 57 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 đã quy định về thống kê chuyên giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ; trong đó khoản 5 giao Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể việc triển khai thu thập số liệu thống kê.</p> <p>Tuy nhiên, quy định này chưa bảo đảm đầy đủ cơ chế điều phối liên ngành, do hoạt động thống kê chuyên giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ phát sinh ở nhiều bộ, ngành, địa phương và liên quan đến cơ quan thống kê, thuế, hải quan, tổ chức trung gian, doanh nghiệp.</p>			Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			Bên cạnh đó, quy định hiện hành chưa làm rõ hệ chỉ tiêu thống kê, phương pháp thu thập, chế độ báo cáo, cơ chế cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Điều này gây khó khăn trong chuẩn hóa dữ liệu, so sánh giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương và đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ.				
88.	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP	Cải cách TTHC	Điều kiện về kinh nghiệm làm việc và số lượng chuyên gia được cắt giảm theo quy định tại Mục VII phần Đ, Phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.		2027	Tiêu chí 4	
		Cải cách TTHC	Điều kiện về kinh nghiệm làm việc và số lượng chuyên gia được cắt giảm theo quy định tại Mục VIII phần Đ, Phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP		2027	Tiêu chí 4	
89.	Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ,	Cải cách TTHC	Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ đã xác định phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tại Mục Đ.III Phụ lục II, Chính phủ quy định không thực hiện thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho đổi mới công nghệ quy định tại Điều 2 và Điều 4 Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg. Tại Mục II.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP, nội dung đề xuất sửa đổi là bãi bỏ Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg; cơ quan thực hiện là Bộ Khoa học và Công nghệ. Do đó, việc Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg tiếp tục duy trì các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận đối với hàng hóa sử dụng trực tiếp cho đổi mới công nghệ là không		2027	Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.		còn phù hợp với phương án cắt giảm thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua; có thể gây cách hiểu khác nhau trong tổ chức thực hiện, làm phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết và ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.				
90.	Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023	Cải cách TTHC	Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao tại Điều 3 được giao hoàn toàn về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự án đầu tư được triển khai theo quy định tại Mục III, phần E, Phụ lục I của Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Sửa đổi, bổ sung	Tháng 3/2027	Tiêu chí 4	
91.	Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2026	Nghị định số 96/2026/NĐ-CP	Các tiêu chí tại Mẫu số 02 được xây dựng căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ đã thay thế nghị định số 31/2021/NĐ-CP và các tiêu chí quy định tại khoản 10 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã được thay thế bởi các tiêu chí quy định tại khoản 15 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung	Tháng 3/2027	Tiêu chí 2	
X. LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ							
92.	Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12,	Nghị quyết số 80-NQ/TW	- Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành đã có quy định về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường số, nhưng chưa có cơ chế, chính sách đặc thù và hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hóa. Cần bổ sung các quy định chuyên biệt nhằm tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh số hóa, phù hợp với định hướng tại Nghị	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 1	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 131/2025/QH15		<p>quyết số 80-NQ/TW.</p> <p>- Cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ, qua đó thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và hạ tầng văn hóa số, bảo đảm tài sản trí tuệ trở thành nguồn lực quan trọng của nền kinh tế sáng tạo.</p> <p>- Đồng thời, cần rà soát, bổ sung quy định về giới hạn và ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan theo hướng cân bằng giữa quyền lợi chính đáng của tác giả với quyền tiếp cận bình đẳng văn hóa cho cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc công bằng xã hội và khuyến khích sáng tạo văn hóa.</p>				
		Cải cách thủ tục hành chính	<p>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP quy định điều chỉnh một số thủ tục hành chính có bản chất tương tự nhau để đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ, cụ thể: Điều chỉnh "Thủ tục duy trì và gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ" để phù hợp với bản chất của cả TTHC "Duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích" và TTHC "Gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu"; và</p> <p>+ Điều chỉnh TTHC "Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp" vào "Thủ tục sửa đổi thông tin trên Văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp"</p>	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 4	
		Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP	<p>Nghị quyết số 66.17/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ cắt giảm, sửa đổi, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã bỏ ngành nghề kinh doanh có điều kiện là "kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ". Theo đó, các điều kiện để kinh doanh dịch vụ giám định, điều kiện cấp thẻ giám định cũng được bãi bỏ.</p>	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 2	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 201 để bảo đảm sự thống nhất của quy định pháp luật, thực hiện chủ trương về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh.				
		Điều 15(2) Công ước UPOV 1991	<p>Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 190 Luật Sở hữu trí tuệ cho phép “Hộ sản xuất cá thể sử dụng sản phẩm thu hoạch từ giống cây trồng để tự nhân giống và gieo trồng cho vụ sau trên diện tích đất của mình”. Tuy nhiên, Luật SHTT hoặc quy định pháp luật hiện hành khác đều không đề cập tới phạm vi áp dụng, quy mô sản xuất, nhóm cây trồng (ngoại lệ quyền liên quan) cũng như quy định cơ chế tác dụng phù hợp nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ bằng bảo hộ và hộ sản xuất.</p> <p>Trong quá trình đánh giá pháp luật của Việt Nam, UPOV đã nhiều lần nhấn mạnh ngoại lệ đối với quyền của chủ bằng bảo hộ liên quan đến việc nông dân giữ giống (farm-saved seed/farmers' privilege) cần được áp dụng trong phạm vi hợp lý và bảo đảm lợi ích chính đáng của chủ bằng bảo hộ. Điều 15(2) Công ước UPOV 1991 quy định quốc gia thành viên chỉ được cho phép nông dân sử dụng sản phẩm thu hoạch để làm giống trên chính diện tích của mình "trong giới hạn hợp lý và bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà chọn tạo giống".</p> <p>Thực tiễn cho thấy nhiều quốc gia thành viên UPOV đã quy định cụ thể về ngoại lệ này thông qua việc giới hạn đối tượng áp dụng, quy mô trang trại, loại cây trồng được phép giữ giống hoặc cơ chế trả thù lao cho chủ bằng bảo hộ nhằm bảo đảm cân bằng lợi ích giữa nhà chọn tạo giống và người nông dân. Một số quốc gia chỉ áp dụng đối với các loài cây trồng nhất định; một số quốc gia quy định ngưỡng</p>	Sửa đổi, bổ sung	2027-2028	Tiêu chí 3	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>diện tích hoặc phân biệt giữa nông hộ nhỏ và cơ sở sản xuất quy mô lớn.</p> <p>Trong bối cảnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và hậu kiểm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, việc chưa quy định rõ phạm vi, đối tượng và điều kiện áp dụng ngoại lệ đối với trường hợp hộ sản xuất cá thể giữ giống để gieo trồng cho vụ sau gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc xác định hành vi hợp pháp và hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ. Do đó, cần làm rõ quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.</p>				
		Tình hình thực tiễn	<p>- Điều 60 của Luật SHTT quy định: "Sáng chế được coi là có tính mới nếu không thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị bộc lộ công khai dưới hình thức ..."</p> <p>Quy định này trong Luật hiện không tương thích với cách xác định tính mới của Thông tư 10/2026/TT-BKHHCN ngày 31/3/2026. Cụ thể, quy định "Bị bộc lộ công khai" chỉ là 1 trường hợp riêng của việc sáng chế bị mất tính mới bên cạnh việc bộc lộ không công khai trong các đơn, văn bằng bảo hộ sáng chế mật theo quy định tại Điều 20 của Thông tư nêu trên.</p>	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	<p>Phần thứ tư của Luật SHTT Quyền đối với giống cây trồng quy định tương đối chi tiết một số nội dung mang tính thủ tục hành chính như trình tự thẩm định đơn, thẩm định nội dung, cấp, cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ. Các quy định này có tính chất kỹ thuật, thường phát sinh yêu cầu điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước, chuyển đổi số, yêu cầu hội nhập quốc tế hay sự thay</p>	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			đổi của các quy trình nghiệp vụ. Việc quy định chi tiết ngay trong Luật dẫn đến khó khăn khi cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn; làm giảm tính linh hoạt trong công tác quản lý và cải cách thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, xu hướng xây dựng pháp luật hiện nay là Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, khung chính sách cơ bản, trong khi các nội dung mang tính kỹ thuật, quy định về thủ tục hành chính được giao Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết				
		Tình hình thực tiễn	Chưa có cơ chế đầy đủ để xử lý nhanh hành vi xâm phạm trên nền tảng số xuyên biên giới. Thực tế gặp nhiều khó khăn khi yêu cầu gỡ bỏ nội dung vi phạm, xác minh chủ thể vi phạm và thu thập chứng cứ điện tử. Cần nghiên cứu bổ sung cơ chế “thông báo – gỡ bỏ” (notice and takedown) mang tính bắt buộc đối với các nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Bộ Công an
	Luật Sở hữu trí tuệ 2025		Việc thiếu các cơ chế bảo vệ người đứng đầu khi nghiên cứu cái mới gặp rủi ro khiến cán bộ quản lý e ngại, không dám đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Mức phí quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu hiện nay quá thấp, không tương xứng với tính chất phức tạp của ngành năng lượng. Cần xây dựng cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu và nâng cao hiệu quả khai thác thương mại các quyền sở hữu trí tuệ.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
	Luật Sở hữu trí tuệ 2025		Thiếu sàn giao dịch và quy trình định giá tài sản trí tuệ khiến hàng nghìn bằng sáng chế bị "xếp ngăn kéo". Cần thiết lập Sàn giao dịch tài sản trí tuệ quốc gia; thí điểm cơ chế "Tín dụng dựa trên SHTT" có bảo lãnh của Nhà nước.			Tiêu chí 5	Mặt trận tổ quốc
	Điều 75 Luật Sở		Tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng mang tính định tính,			Tiêu chí 5	Mặt trận

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	hữu trí tuệ Tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng mang		không định lượng khiến doanh nghiệp khó chứng minh. Hướng dẫn định lượng rõ: đáp ứng bao nhiêu tiêu chí, ngưỡng số lượng/doanh số/thời gian cụ thể là bao nhiêu				tổ quốc
93.	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP	Nghị quyết số 66.17/NQ-CP	Nghị quyết số 66.17/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ cắt giảm, sửa đổi, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã bỏ ngành nghề kinh doanh có điều kiện là “kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ”. Theo đó, các điều kiện để kinh doanh dịch vụ giám định, điều kiện cấp thẻ giám định tại Điều 201 được bãi bỏ. Do đó, các quy định liên quan đến giám định viên, thẻ giám định viên trong Nghị định cũng cần được sửa đổi để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung	2027	Tiêu chí 2	
		Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP quy định cắt giảm các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh có liên quan đến giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. Các thủ tục cắt giảm bao gồm: công nhận cơ sở đào tạo nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Nghị quyết cũng quy định không thực hiện các nội dung liên quan đến đào tạo và kiểm tra nghiệp vụ giám định trong cả hai lĩnh vực nêu trên	Sửa đổi, bổ sung	2027	Tiêu chí 4	
94.	Khoản 3 Điều 27 Thông tư 23/2023/TT-BKHCN Hồ sơ chứng minh	Cải cách TTHC	Hồ sơ chứng minh nhãn hiệu nổi tiếng chung chung, Cục SHTT thường kết luận thiếu hồ sơ nhưng không rõ thiếu gì. Giải thích cụ thể các loại tài liệu cần thiết để doanh nghiệp chủ động thu thập thông tin chứng minh.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	nhãn hiệu nổi tiếng chung						
95.	Thông tư số 35/2025/TT-BKHCN	Cải cách TTHC	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP quy định cắt giảm nội dung liên quan đến kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 4	
96.	Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN	Luật SHTT	- Điều 58 của Luật SHTT quy định: Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiệu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có tính mới; b) Có khả năng áp dụng công nghiệp. Tuy nhiên, trong Điều 21 của Thông tư chưa hướng dẫn rõ như thế nào được coi là hiệu biết thông thường, do đó có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực thi.	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 5	
		Luật SHTT	Khoản 7 và 8 Điều này quy định việc thu hồi quyết định cấp VBBH như sau: “7. Người nộp đơn chịu trách nhiệm đối với thông tin khai trong đơn. Trường hợp có căn cứ để xác định thông tin trong đơn là không chính xác, không trung thực, cơ quan nhà nước đã cấp văn bằng bảo hộ có thẩm quyền thu hồi quyết định cấp văn bằng bảo hộ đó. 8. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.” Tuy nhiên, Thông tư 10 chưa có quy định về việc thu hồi này (bản gốc VBBH thì sao? có thu hồi không? hay chỉ thu	Sửa đổi, bổ sung	2026	Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			hỏi quyết định?)				
XI. LĨNH VỰC GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ							
97.	Luật Giao dịch điện tử năm 2023	Tình hình thực tiễn	<p>Đã tiếp cận theo hướng công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử trên cơ sở bảo đảm độ tin cậy, phù hợp với Luật mẫu về Thương mại điện tử năm 1996 và Luật mẫu về Chữ ký điện tử năm 2001 của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).</p> <p>Tuy nhiên, chưa có cơ chế để công nhận lẫn nhau đối với các dịch vụ tin cậy giữa Việt Nam và các quốc gia, khu vực kinh tế khác. Do đó, cần tiếp tục theo dõi quá trình triển khai các khuôn khổ pháp lý quốc tế, đặc biệt là eIDAS 2.0 của Liên minh châu Âu và các sáng kiến công nhận xuyên biên giới trong khu vực ASEAN để nghiên cứu đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam.</p>	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 3	
		Tình hình thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thừa nhận và chấp nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử trong các lĩnh vực chuyên ngành chưa thực sự đồng bộ. Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định chuyên ngành chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023. - Chưa có cơ chế công nhận lẫn nhau hoặc khuôn khổ hợp tác quốc tế về dịch vụ tin cậy. Điều này làm hạn chế khả năng triển khai các giao dịch điện tử xuyên biên giới và ảnh hưởng đến quá trình hội nhập số quốc tế của Việt Nam. - Việc khai thác hiệu quả hạ tầng chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy trong nền kinh tế số còn gặp khó khăn do thiếu sự đồng bộ giữa các hệ thống pháp luật chuyên ngành. 			Tiêu chí 5	
		Tình hình thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh cho việc công nhận và sử dụng dịch vụ tin cậy xuyên biên giới giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ khác. - Chưa có quy định về cơ chế kết nối, liên thông, công 			Tiêu chí 6	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<p>nhận lẫn nhau giữa hạ tầng dịch vụ tin cậy của Việt Nam với các hệ sinh thái định danh và dịch vụ tin cậy quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có quy định đầy đủ đối với một số mô hình dịch vụ tin cậy mới đang được triển khai trên thế giới như dịch vụ lưu giữ điện tử, dịch vụ chứng thực thuộc hệ sinh thái định danh số thế hệ mới, dịch vụ hỗ trợ xác thực điện tử cho các giao dịch xuyên biên giới. - Chưa có cơ chế pháp lý thống nhất để thúc đẩy việc sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử chuyên dùng trong các lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, y tế, giáo dục và logistics. 				
		Cải cách TTHC	<p>Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính nhằm hạn chế gây gánh nặng cho doanh nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; - Thủ tục gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. 			Tiêu chí 4	

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích các nội dung, quy định cần xử lý của VB được rà soát	Hình thức xử lý VB được rà soát	Lộ trình xử lý	Tiêu chí rà soát	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
98.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn	Tình hình thực tiễn	<p>Đã bước đầu xây dựng cơ chế công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài, chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy giao dịch điện tử xuyên biên giới và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ tin cậy.</p> <p>Tuy nhiên, chưa có cơ chế để công nhận lẫn nhau đối với các dịch vụ tin cậy giữa Việt Nam và các quốc gia, khu vực kinh tế khác. Do đó, NEAC đề xuất tiếp tục theo dõi quá trình triển khai các khuôn khổ pháp lý quốc tế, đặc biệt là eIDAS 2.0 của Liên minh châu Âu và các sáng kiến công nhận xuyên biên giới trong khu vực ASEAN để nghiên cứu đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam.</p>	Sửa đổi, bổ sung		Tiêu chí 3	
		Cải cách TTH, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP	<p>Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính nhằm hạn chế gây gánh nặng cho doanh nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; - Thủ tục gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. 			Tiêu chí 4	
Tổng số VB đề xuất xử lý: 98265/202 văn bản							